

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN KỸ NĂNG TRANH TỤNG TRONG VỤ, VIỆC DÂN SỰ LS6**ĐỀ THI SỐ: 35****Tình huống vụ việc:**

Bà A (thường trú tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) vào làm việc tại công ty V (có trụ sở tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, sau đây gọi tắt là công ty) từ năm **2019**. Từ ngày **01/6/2021**, hai bên ký hợp đồng lao động số 69/VTHL loại không xác định thời hạn. Do điều kiện dịch bệnh tại địa phương và có con nhỏ (8 tháng tuổi) nên từ ngày **19/7/2021**, bà A được công ty cho làm việc ở nhà. Ngày **9/8/2021**, bà A và Tổng Giám đốc công ty xảy ra bất đồng. Bà A gửi email cho Tổng Giám đốc thông báo nghỉ làm và nhắn tin trong ứng dụng Zalo, email nhóm chung của công ty thông báo cho bà A nghỉ làm từ ngày **9/8/2021**. Ngày **7/9/2021**, công ty gửi Quyết định thôi việc số QĐTV/2021/08 do Tổng Giám đốc công ty ký (bản scan) qua email cho bà A với lý do cho thôi việc là “nghỉ liên tục 10 ngày không phép”.

Ngày **6/01/2022**, bà A làm đơn khởi kiện đến Tòa án với yêu cầu khởi kiện:

1. Yêu cầu tuyên bố công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động với bà A là trái pháp luật.
2. Yêu cầu công ty phải trả tiền lương tạm tính từ ngày **01/8/2021** đến ngày **6/01/2022** là $40.083.000 \text{ đồng} / 26 \text{ ngày} \times 158 \text{ ngày} = \mathbf{243.581.308 \text{ đồng}}$.
3. Yêu cầu công ty trả 6 tháng lương do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật (do bà A nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi) là **240.498.000 đồng**.
4. Yêu cầu công ty thanh toán 12 ngày lương cho những ngày chưa nghỉ phép theo khoản 5 Điều 2 Hợp đồng lao động là **18.499.845 đồng**.
5. Yêu cầu công ty bồi thường 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng lao động là: $40.083.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = \mathbf{80.166.000 \text{ đồng}}$.
6. Yêu cầu công ty trợ cấp thôi việc theo quy định tại khoản 3 Điều 41 và Điều 46 Bộ luật Lao động là **40.083.000 đồng**.
7. Bồi thường 01 tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước là **40.083.000 đồng**.
8. Buộc công ty phải tiếp tục đóng BHXH, BHYT, BHTN trên mức lương đến ngày **27/12/2021** với mức đóng theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành.

Câu hỏi 1 (2.0 điểm): Anh (Chị) hãy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án?

Câu hỏi 2 (2.0 điểm): Là luật sư bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của công ty trong vụ việc trên, Anh (Chị) hãy xác định những nội dung cần phải làm rõ để có thể giải quyết vụ việc?

Tình tiết bổ sung:

Bà A đã ủy quyền hợp pháp cho ông D được đại diện cho bà tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 5/7/2022, vắng mặt bà A và ông D.

Câu hỏi 3 (2.0 điểm): Là luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty, Anh (Chị) sẽ đề xuất với Tòa án hướng xử lý trong tình huống này như thế nào?

Tình tiết bổ sung

Trong bản tự khai ngày 16/3/2022, công ty trình bày sau khi xảy ra sự việc mâu thuẫn, bà A đã gửi email cho Tổng Giám đốc báo nghỉ làm. Tổng Giám đốc đã chủ động yêu cầu bà hoàn tất thủ tục và bàn giao công việc, máy móc cho công ty nhưng bà A chỉ gửi email cho Tổng Giám đốc xin thôi việc, chặn cuộc gọi, tin nhắn liên lạc của Tổng Giám đốc. Công ty đã chấp nhận cho bà A nghỉ việc theo nguyện vọng. Bà A đã đơn phương chấm dứt HĐLĐ, không nộp đơn xin thôi việc theo yêu cầu của công ty nên đề giải quyết chế độ cho bà, công ty đã ban hành quyết định QĐTV/2021/08 cho bà A nghỉ việc, tuy nhiên do nhầm lẫn nên thể hiện trong quyết định lý do cho nghỉ việc. Việc công ty ra quyết định thôi việc là để hợp thức hóa thủ tục giải quyết chế độ cho bà A.

Câu hỏi 4 (3.0 điểm):

Với tất cả các tình tiết trong dữ kiện đề bài và tình tiết bổ sung nêu trên, là luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công ty, Anh (Chị) hãy dự thảo đề cương bản luận cứ tại phiên tòa sơ thẩm?

Câu hỏi 5 (1.0 điểm):

Theo Anh (Chị), đường lối giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử là như thế nào?

(Đề thi gồm 02 trang, học viên được sử dụng văn bản quy phạm pháp luật, giáo trình in của Học viện Tư pháp; cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI SỐ: 35

Câu hỏi 1 (2.0 điểm):

Anh (Chị) hãy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án?

+ Khẳng định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về đơn phương chấm dứt HĐLĐ, vì:

Khẳng định giữa bà A và công ty xác lập quan hệ HĐLĐ → 0.5

Bản chất của QĐ đơn phương chấm dứt HĐLĐ là quyết định thôi việc → 0.5

+ Bà A có yêu cầu/khởi kiện là tuyên việc chấm dứt HĐLĐ của công ty đối với bà là đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật → 0.5

+ Nêu được quy định pháp luật Điều 32 BLTTDS năm 2015 → 0.25

Câu hỏi 2 (2.0 điểm):

Là luật sư bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của công ty trong vụ việc trên, Anh (Chị) hãy xác định những nội dung cần phải làm rõ để có thể giải quyết vụ việc?

Những nội dung cần làm rõ trong vụ án gồm:

1. Giữa bà A và công ty có thỏa thuận về tòa án hay cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp không? → 0.25
2. Trước khi khởi kiện ra tòa án, bà A có yêu cầu Hòa giải viên lao động tiến hành hòa giải không? → 0.25
3. Mức lương mà bà A được hưởng theo HĐLĐ tại thời điểm tháng 8/2021 là bao nhiêu? Ngoài ra có phụ cấp không, cụ thể gồm những khoản tiền gì? → 0.25
4. Bà A nghỉ việc thực tế bắt đầu từ ngày nào? → 0.25
5. Khi công ty cho bà A thôi việc đã thanh toán cho bà A những khoản tiền gì? → 0.25
6. Nội dung, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà A và công ty là gì? Lý do mà công ty cho bà A nghỉ việc 10 ngày liên tục cụ thể là những ngày nào? → 0.25
7. Bà A gửi email thông báo nghỉ việc cho Tổng Giám đốc vào ngày nào? → 0.25
8. Quyết định của công ty cho bà A thôi việc có hiệu lực kể từ ngày nào? → 0.25

Câu hỏi 3 (2.0 điểm)

Anh (Chị) sẽ đề xuất với Tòa án hướng xử lý trong tình huống này như thế nào?

Đề nghị Tòa án làm rõ xem việc triệu tập đối với bà A có hợp lệ không? Nếu không hợp lệ thì đề nghị Tòa án triệu tập lại bà A đến tham gia buổi hoà giải khác. (0.5 điểm)

Nếu triệu tập là hợp lệ thì đề nghị Tòa án làm rõ xem lý do vì sao nguyên đơn vắng mặt, có đơn nêu lý do không? Lý do là gì? Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải không? (0.5 điểm)

Nếu triệu tập hợp lệ, xác định xem việc vắng mặt của phía nguyên đơn là vắng mặt lần thứ mấy. Nếu vắng mặt lần thứ nhất hoặc có lý do chính đáng thì đề nghị Tòa án tiến hành buổi hoà giải khác. (0.5 điểm)

Nếu việc triệu tập là hợp lệ và vắng mặt lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng thì đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 217 BLTTDS. (0.5 điểm)

Câu hỏi 4 (3.0 điểm)

Với tất cả các tình tiết trong dữ kiện đề bài và tình tiết bổ sung nêu trên, là luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công ty, Anh (Chị) hãy dự thảo đề cương bản luận cứ tại phiên toà sơ thẩm?

Đề cương bản luận cứ phải đảm bảo được những nội dung sau:

- + Thể hiện được hình thức, forme mẫu cơ bản của bản luận cứ (0.5 điểm)
- + Khẳng định được giữa bà A và cty đã xác lập quan hệ HĐLĐ (0.5 điểm)

+ Khẳng định được cty chấm dứt HĐLĐ đối với bà A là đúng pháp luật, công ty không đơn phương chấm dứt HĐLĐ vì:

Bà A đã bày tỏ ý muốn chấm dứt HĐLĐ, đã thông báo trước cho cty về việc chấm dứt HĐLĐ, chặn mọi thông tin liên lạc, không đi làm.

Việc cty ra quyết định cho thôi việc là thể hiện ý chí đồng ý với mong muốn đề nghị chấm dứt HĐLĐ của bà A. Cty có sự nhầm lẫn khi ghi lý do ra quyết định chấm dứt HĐLĐ

Nếu được quy định pháp luật theo các Điều 36, 41 BLLĐ (0.5 điểm)

+ Đề nghị HĐXX không chấp nhận YCKK của bà A (0.25 điểm)

Câu hỏi 5 (1.0 điểm)

Theo Anh (Chị), đường lối giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử là như thế nào?

Xác định giữa bà A và công ty có sự thoả thuận chấm dứt HĐLĐ (0.5 điểm)

Tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A (0.5 điểm)

ĐỀ THI SỐ: 26

Ngày 18.02.2020, bà Phạm Thị Nguyệt đến Văn phòng Luật sư gặp anh (chị) và trình bày: Căn nhà số 12 đường Nguyễn Công Trứ, phường 1, Quận BT, TP.H là của vợ chồng ông Lư Luân và bà Nguyễn Thị Thoa. Ngày 23.4.2002, vợ chồng ông Luân đã ký giấy bán nhà cho bà tại UBND phường N với trị giá là 250 triệu đồng. Bà đã đặt cọc cho bà Thoa 30 triệu đồng. Sau khi ký nhận giấy tờ nhà, thanh toán đợt tiền, ngày 29.4.2002, vợ chồng bà Thoa giao nhà và bà chuyển đến ở cùng chồng. Khi chưa mua nhà, bà ở nhờ vợ chồng ông Phạm Thái Thanh, bà Vũ Thị Huệ (ông Thanh là em trai của bà). Vì vậy, toàn bộ tài sản, hàng hóa mang về trong thời gian đi xuất khẩu lao động tại Đức từ năm 1994 đến tháng 12 năm 2001 đều gửi cho ông Thanh, bà Huệ giữ hộ, bà lần lượt tiền và thanh toán tiền mua nhà cho vợ chồng bà Thoa. Sau khi mua nhà, do sợ sống một mình nên bà mời ông bà Thanh đến ở với bà để đỡ đàn khi đau ốm. Năm 2003, vợ chồng ông Thanh lấy cớ việc giấy tờ mua nhà do ông Thanh ký nên yêu cầu bà để chuyển tên người mua nhà là ông Thanh, bà Huệ. Năm 2018, Nhà nước đã xóa bộ quy hoạch làm đường giao thông nên căn nhà của bà thuộc diện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Khi bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở thì phát hiện vợ chồng ông Thanh không trả lại giấy tờ nhà cho bà và nói là bà đã cho căn nhà của mình. Sau đó vợ chồng ông Thanh căn nhà này thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Thanh. Sau nhiều lần thương lượng, bất thành, bà muốn làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Thanh, bà Huệ trả giấy tờ nhà và trả 150 triệu đồng là số tiền mà vợ chồng ông Thanh giữ hộ, sau khi đã thanh toán tiền mua nhà.

Bà Nguyệt đề nghị anh (chị) là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà tham gia tố tụng tại Tòa án.

Câu 1 (2,0 điểm): Anh (chị) hãy xác định những nội dung cần trao đổi với bà Nguyệt sau khi nghe bà Nguyệt trình bày?

Câu 2 (2,0 điểm): Anh (chị) hãy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án và thành phần đương sự tham gia tố tụng?

Tình tiết bổ sung:

Tòa án có thẩm quyền thụ lý vụ án.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 15.3.2020, ông Thanh bà Huệ cùng có lời khai như sau: Năm 2001, (vợ chồng ông bà bán mảnh đất ở quê được 20 lượng vàng). Đầu năm 2002, ông tìm mua một căn nhà để sau này làm mặt bằng cho cháu ông Thanh sửa chữa xe máy. Biết tin vợ chồng ông Luân, bà Thoa bán nhà nên vợ chồng ông bà có rủ bà Nguyệt (đang ở chung nhà) đi cùng để xem nhà. Hai bên thỏa thuận giá cả mua bán căn nhà số 12 đường Nguyễn Công Trứ là 250 triệu đồng. Khi ký giấy đặt cọc mua nhà, ông bà chưa kịp bán vàng thì bà Nguyệt nói là bà Nguyệt có sẵn 30 triệu tiền mặt nên bà Nguyệt sẽ đứng tên mua bán nhà. Bà chỉ nhận 30 triệu là của bà Nguyệt giao, còn lại ai nhận từ bà Thoa, số tiền là của ai thì bà không biết, bà chỉ biết ghi biên nhận là đã nhận đủ tiền theo yêu cầu của người đưa tiền. **Năm 2003**, vợ chồng ông Thanh có đến gặp bà nói là bà Nguyệt đã có giấy chuyển tên cho người mua nhà là vợ chồng ông Thanh nên đề

ngiht bà thay mặt chồng bà là ông Luân ký tên bên bán nhà (ông Luân lúc đó đang nằm viện; đã chết cuối năm 2003). Bà đã bán nhà, nhận đủ tiền và bàn giao nhà nên không yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi cho bà trong vụ án này.

Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện: “Văn tự bán nhà” căn nhà số 12 đường Nguyễn Công Trứ lập ngày 23.4.2002, giữa bên bán là vợ chồng ông Luân, bà Thoa và bên mua là bà Phạm Thị Nguyệt có xác nhận của UBND phường N cùng ngày, giá mua bán là 250 triệu đồng. Kết quả giám định chữ ký trong “Đơn xin chuyển tên người đứng tên mua nhà” là chữ ký của bà Phạm Thị Nguyệt.

Bà Nguyệt không cung cấp được chứng cứ về số tiền 150 triệu đồng mà vợ chồng ông Thanh đang giữ giữ.

Hòa giải không thành. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có mặt, không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu.

Câu 3 (1,5 điểm): Theo anh (chị) yêu cầu của vợ chồng ông Thanh có phải là yêu cầu phản tố không? Giải thích?

Câu 4 (2,0 điểm): Anh (chị) hãy xác định các vấn đề cần phải chứng minh?

Câu 5 (2,5 điểm): Anh (chị) hãy trình bày nội dung bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyệt tại phiên tòa sơ thẩm?

ĐỀ THI SỐ: ... (Lớp LS 22K,L) THI NGÀY 20.12.2020

Ngày 15.4.2020, bà Nguyễn Quỳnh Lưu đến Văn phòng Luật sư gặp anh(chị) và trình bày: Ngày 02.3.1988, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Dũng và có hai người con chung là chị Nguyễn Lan Anh và anh Nguyễn Tiên Thành. Năm 1999, ông Dũng và bà ly hôn (theo bản án số 124/LHST ngày 15.2.1999 của TAND huyện X, tỉnh TG). Năm 2000, ông Dũng chung sống với bà Nguyễn Thị Hạnh, có làm lễ cưới, không đăng ký kết hôn, có một con chung là cháu Nguyễn Thành Trung. Năm 2003, sau khi bố mẹ đẻ của ông Dũng mất, ông Dũng nhận được 500 triệu từ việc anh em trong gia đình ông thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Năm 2008, bà Hạnh nộp đơn theo yêu cầu ly hôn ông Dũng tại Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh TG, sau đó Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện. Trong thời gian này, ông Dũng trở lại sống chung với bà Lưu tại nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N, huyện X, tỉnh TG. Căn nhà này có nguồn gốc là của bố mẹ bà Lưu là cụ Nguyễn Văn Vinh (chết năm 2009) và cụ Nguyễn Thị Bé (chết năm 2010). Cụ Vinh và cụ Bé sinh được hai người là bà Lưu và bà Nguyễn Quỳnh Hoa. Hiện nay, bà Hoa đang sinh sống ở nước ngoài. Ngày 20.4.2019, ông Dũng chết vì bệnh hiểm nghèo, không để lại di chúc. Trước khi ông Dũng chết, bà có nghe nói là ông Dũng đã làm đơn ngăn chặn gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền không cho bà Lưu, bà Hoa là chủ quyền căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N, huyện X, tỉnh TG. Đến nay, căn nhà này vẫn chưa được hợp thức hóa chủ quyền, trong sổ địa chính tại UBND xã N mang tên của cụ Vinh và cụ Bé.

Sau khi ông Dũng chết, bà Hạnh đã đến đòi gặp bà Lưu trả lại nhà đất số 32 Quốc lộ 1, xã N cho bà Hạnh và cháu Trung nhưng không được bà Lưu đồng ý. Bà Hạnh cho rằng, bà được ông Dũng khi còn sống cho biết nhà đất này đã được ông mua của cụ Vinh, cụ Bé vào năm 2009 bằng số 500 triệu đồng chia thừa kế của bố mẹ ông. Đến ngày 16.3.2020, bà Hạnh làm đơn khởi kiện đến Tòa án xác định nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N, huyện X, tỉnh TG (có diện tích nhà ở cấp 4 là 120m², diện tích đất là 784 m²) là di sản thừa kế của ông Dũng để lại và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất trên cho bà Hạnh và con trai của bà là cháu Nguyễn Thành Trung.

Bà Lưu đề nghị anh (chị) là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Câu 1 (2,0 đ): Anh (chị) hãy xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thành phần đương sự tham gia tố tụng?

Câu 2(1,5 đ): Anh (chị) hãy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp? Giải thích?

Bà Lưu đề nghị anh (chị) tư vấn cho bà về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N là di sản của cụ Vinh, cụ Bé để lại hiện chưa hợp thức hóa chủ quyền và các đồng thừa kế (bà Lưu, bà Hoa) có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

Câu 3 (1,5 đ): Anh (chị) hãy yêu cầu quan điểm của mình về việc yêu cầu trên của bà Lưu? Giải thích tại sao?

Tình tiết bổ sung

Tại bản tự khai ngày 16.4.2020, bà Hạnh trình bày: Trong thời gian bà và ông Dũng chung sống, do có mâu thuẫn với bà nên ông Dũng về sống với bà Lư vào từ năm 2007–2009. Trong quá trình chung sống với bà Lư và các con, ông Dũng đã dùng số tiền 600 triệu đồng (là tiền được chia thừa kế của bố mẹ ông Dũng và tiền ông Dũng tích lũy) mua căn nhà của bố mẹ bà Lư tại địa chỉ số 32 Quốc lộ 1, xã N. Việc mua bán nhà này không có văn bản mà chỉ có lời khai của hai bạn ông Dũng là ông Trần Văn Chinh và ông Nguyễn Hữu Kỳ. Sau một thời gian chung sống với bà Lư, ông Dũng quay về sống chung với bà. Khi còn sống, ông Dũng đã nhiều lần kể về việc đã dùng toàn bộ số tiền có được là gần 600 triệu đồng để mua căn nhà của bố mẹ bà Lư. Việc mua bán không lập bằng văn bản vì nhà đất này đang nằm trong khu quy hoạch của Nhà nước. Ngày 18.9.2008, cụ Vinh và cụ Bé đến UBND xã N, huyện X lập giấy ủy quyền cho ông Dũng được toàn quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc giải quyết việc thu hồi nhà đất và toàn quyền định đoạt đối với toàn bộ nhà đất của hai cụ. Đến đầu năm 2017, Nhà nước đã điều chỉnh quy hoạch thì nhà đất trên thuộc khu dân cư hiện hữu. Ông Dũng đã liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở cho ông theo Giấy ủy quyền trên thì bị từ chối cấp, vì Giấy ủy quyền của cụ Vinh và cụ Bé đã chấm dứt hiệu lực. Do lo sợ về việc các đồng thừa kế của cụ Vinh, cụ Bé khai nhận di sản thừa kế nên ông Dũng đã làm đơn thông báo đến UBND Xã N về nhà đất có tranh chấp để ngăn chặn việc sang tên cho các đồng thừa kế của cụ Vinh và cụ Bé. Tuy nhiên, bà cho rằng, sự thật ông Dũng đã bỏ tiền ra mua và nhà đất này là của ông Dũng.

Tại bản tự khai ngày 28.4.2020, bà Lư trình bày: Sau khi ly hôn, ông Dũng thỉnh thoảng có đến thăm con. Từ năm 2007–2009, do mâu thuẫn với bà Hạnh, ông Dũng trở về sống với bà và các con, được bố mẹ bà chấp nhận. Bà chưa khi nào nghe thấy bố mẹ của bà nói về việc đã bán nhà đất này cho ông Dũng với giá 600 triệu đồng. Đầu năm 2018, bà đi làm Giấy chứng nhận nhà đất tại UBND thì bà mới biết về việc ông Dũng có đơn ngăn chặn trước đó. Lúc đó, bà gọi điện cho ông Dũng nói về việc này thì ông Dũng nói là đã mua nhà đất này nên ngăn cụ Vinh, cụ Bé đã ủy quyền cho ông được toàn bộ định đoạt. Đến tháng 4 năm 2019, ông Dũng chết. Sau đó, bà Hạnh đã nhiều lần đến đòi bà trả lại nhà đất cho mẹ con bà Hạnh. Bà xác định nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N là của cha mẹ bà, không phải là di sản thừa kế do ông Dũng để lại, vì vậy bà không đồng ý với yêu cầu của bà Hạnh. Anh Thành, bà Hoa trình bày thống nhất với ý kiến của bà Lư và có văn bản ủy quyền hợp pháp cho bà Lư tham gia tố tụng, quyết định mọi vấn đề về việc giải quyết vụ án tại Tòa án xét xử sơ thẩm.

Câu 4 (1,5 đ): Anh (chị) hãy xác định các vấn đề cần chứng minh trong vụ án?

Tình tiết bổ sung

Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N có nguồn gốc của cụ Vinh, cụ Bé, đã ở từ năm 1975. Quá trình ông Dũng, bà Lư ở không sửa chữa, cải tạo gì thêm. Ông Dũng và bà Hạnh không có đăng ký kết hôn. Giấy ủy quyền của cụ Vinh, cụ Bé được lập tại UBND xã N cho ông Dũng toàn quyền liên hệ với cơ quan có

thẩm quyền và toàn quyền định đoạt đối với nhà đất. Ngày 14.2.2018, ông Dũng viết Đơn ngăn chặn gửi UBND xã N có nội dung: Nhà đất số 32 Quốc lộ 1, xã N là tài sản ông Dũng đã mua của cụ Vinh, cụ Bé, đề nghị UBND xã N không xác nhận nguồn gốc đất là của cụ Vinh, cụ Bé để cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho bất cứ bên thứ ba nào. Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 18.8.2020 thì toàn bộ phần nhà, đất tranh chấp có giá trị là 4.578.000.000 đồng. Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của ông Chính và ông Kỳ làm chứng về việc mua bán nhà này, vì họ đã chết.

Ngày 18.12.2020, tại phiên tòa sơ thẩm có mặt đầy đủ các đương sự. Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

Tại phần tranh luận, Luật sư A là người bảo vệ lợi ích cho bà Hạnh đề nghị Hội đồng xét xử công nhận bà Hạnh và ông Dũng là vợ chồng; cháu Trung là con của ông Dũng vì vậy, bà Hạnh, cháu Trung là người thừa kế theo pháp luật của ông Dũng.

Câu 5 (1,5 đ): Nếu quan điểm của anh (chị) về ý kiến trên đây của Luật sư A?

Câu 6 (2,0 đ): Anh (chị) hãy trình bày nội dung cơ bản của bản luận cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lưu.

(Lưu ý: Học viên được phép sử dụng văn bản vi phạm pháp luật và giáo trình in của Học viện Tư pháp)

ĐÁP ÁN CHẤM THI (Lớp LS 22K,L)

Câu hỏi	Nội dung trả lời	Điểm chuẩn
Câu 1 (2,0 đ)	*Xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa dân sự Tòa án nhân dân tỉnh TG.	1
	Giải thích: Bà Nguyễn Quỳnh Hoa – là người có quyền lợi nghĩa vụ liên đới sinh sống ở nước ngoài nên áp dụng điều 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38 BLTTDS.	1
	*Xác định thành phần đương sự tham gia tố tụng:	
	- NG: Bà Nguyễn Thị Hạnh	
	- BĐ: Bà Nguyễn Quỳnh Lưu	
	- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trung, bà Hoa, những người sinh sống tại địa chỉ số 32 Quốc lộ 1, xã N, huyện N, tỉnh TG.	
	(Học viên phân tích theo tình tiết đề bài và Điều 68 BLTTDS)	
Câu 2	*Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “tranh chấp thừa kế	0.5

(1,5 đ)	tài sản” theo khoản 5 Điều 26 BLTTDS.	
	*Giải thích:	1
	- Một trong những vấn đề khi giải quyết vụ án thừa kế cần xác định là phải xác định di sản thừa kế của người chết để lại.	
	- Nguyên đơn có 2 yêu cầu: xác định nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N, huyện X, tỉnh TG là di sản của ông Dũng; chia thừa kế nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N, huyện X, tỉnh TG cho bà Hạnh và cháu Trung theo đúng quy định của pháp luật. Để xác định cháu Trung được hưởng di sản thừa kế thì phải xác định được ông Dũng có để lại di sản là căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N, huyện X, tỉnh TG có phải là di sản của ông Dũng hay không?	
Câu 3 (1,5 đ)	- Yêu cầu của bà Lưu “Xác định căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N, là di sản của cụ Vinh, cụ Bé chưa hợp thức hóa chủ quyền và là tài sản chung của bà Lưu, bà Hoa...” là không cần thiết và ngoài phạm vi xét xử của Tòa án.	0.5
	- Giải thích:	1
	+ Phạm vi xét xử của vụ án là yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Hạnh. Khi giải quyết vụ án này, Tòa án phải xác định căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N là của ai? (là di sản của cụ Vinh, cụ Bé hay là di sản của ông Dũng). Nếu là di sản của cụ Vinh và cụ Bé thì di sản này là tài sản chung của các đồng thừa kế bà Lưu và bà Hoa. Giữa bà Lưu và bà Hoa không có tranh chấp về chia di sản thừa kế nên căn nhà này là tài sản chung của các đồng thừa kế. Theo tình tiết đề bài, nhà đất đang tranh chấp chưa được hợp thức hóa chủ quyền. Việc hoàn tất thủ tục về xác lập quyền sở hữu căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N (hợp thức chủ quyền) là thuộc thẩm quyền của UBND. Do vậy, Tòa án sẽ không xem xét yêu cầu này, vì không thuộc thẩm quyền và ngoài phạm vi xét xử của Tòa án.	

Câu 4 (1,5 đ):

****Xác định các vấn đề cần chứng minh trong vụ án:***

+ Căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N là di sản của cụ Vinh, cụ Bé đã được cấp Giấy phép chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở chưa, đứng tên ai?

+ Có việc ông Dũng mua nhà của cụ Vinh, cụ Bé với giá 600 triệu đồng không? Hai bên đã thỏa thuận về việc trả tiền, giao nhà như thế nào?

+ Nội dung Giấy ủy quyền giữa cụ Vinh, cụ Bé cho ông Dũng liên quan đến nhà đất tranh chấp như thế nào? Hiệu lực của giấy ủy quyền được xác lập giữa hai bên?

+ Ông Dũng và bà Hạnh sống chung như vợ chồng vào thời điểm nào? Có đăng ký kết hôn hợp pháp không?

+ Quá trình ông Dũng, bà Lưu ở căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N có sửa chữa, cải tạo gì thêm không?

+ Hiện nay, có những ai đang quản lý, sử dụng nhà?

+ Ông Dũng chết có để lại di chúc không? **1,5**

Câu 5 (1,5 đ):

Quan điểm của anh chị về đề nghị của Luật sư A:

*Đề nghị của Luật sư A công nhận bà ông ông Dũng và bà Hạnh là vợ chồng là không đúng pháp luật.

Giải thích: Mặc dù, ông Dũng đã ly hôn với bà Lưu và chung sống với bà Hạnh như vợ chồng từ năm 1999, nhưng ông Dũng và bà Hạnh không có đăng ký kết hôn. Thời điểm chung sống là năm 2000, theo quy định tại điểm b Mục 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH 10, bà Hạnh và ông Dũng không phải là vợ chồng hợp pháp. Do đó, bà Hạnh không phải là người thừa kế theo pháp luật của **ông Dũng**.

*Theo tình tiết trong vụ án, cháu Trung là con của bà Hạnh và ông Dũng, do đó, đề nghị của Luật sư xác định cháu Trung là người thừa kế của ông Dũng là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS 2015. | **0,75** |

Câu 6 (2,0 đ)

Nội dung chính của bản luận cứ bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bà Lưu. Căn nhà số 32 Quốc lộ 1, xã N không phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Dũng, bởi lẽ:

+ Nguồn gốc căn nhà thuộc quyền sở hữu của cụ Vinh, cụ Bé khi còn sống đã chuyển nhượng quyền sở hữu căn nhà cho ông Dũng. Ông Dũng chỉ ở nhờ căn nhà của bố mẹ bà Lưu. Ông Dũng cho rằng Giấy ủy quyền với nội dung toàn quyền định đoạt đối với nhà đất là thể hiện ý chí của cụ Vinh, cụ Bé đã bán nhà, chuyển giao quyền sở hữu cho ông Dũng là không có căn cứ. Sau khi cụ Vinh, cụ Bé chết thì Giấy ủy quyền đã chấm dứt hiệu lực. Vì vậy, không có cơ sở xác định ông Dũng có toàn quyền định đoạt đối với nhà đất số 32 Quốc lộ 1, xã N, khi ông Dũng còn sống.

+ Việc ông Dũng có đơn xin ngăn chặn là trái pháp luật.

+ Bà Hạnh không phải là vợ hợp pháp của ông Dũng nên không có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế trong vụ án này.

=> Đề nghị HĐXX: Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của Hạnh và cháu Trung. **2,0**

ĐỀ THI SỐ: ... KHÓA 15.3A

Ngày 17/2/2014, chị Nguyễn Thị Minh trình bày với Luật sư:

Khang kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Từ Trung, huyện K. T vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2009.

Về con chung: Vợ chồng chị Minh có hai con là cháu Trần Văn Cường sinh năm 1997 và cháu Trần Thị Trang, sinh năm 2000. Chị Minh và anh Khang đều có nguyện vọng nuôi hai cháu và không yêu cầu người còn lại đóng góp nuôi con. Cháu Cường có nguyện vọng ở với bố. Cháu Trang có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Về tài sản: Trong quá trình chung sống, năm 2002 vợ chồng anh chị có xây một ngôi nhà hai tầng, năm 2005 xây thêm một tum để chồng nóng trên thửa đất 80m² tại xã Từ Trung, huyện K, thành phố T, GCNQSDĐ đứng tên anh Khang. Hai vợ chồng anh chị đang chung sống tại ngôi nhà này. Giá trị các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình trị giá khoảng 300.000.000đ.

Ngoài ra anh Khang được trường SQ1Q1 (nơi anh Khang công tác) cấp cho diện tích đất 125m² tại xã Thanh Chương, huyện Bình Minh, tỉnh H. Vợ chồng đã mua gạch, thuê thợ xây khuôn viên bao quanh thửa đất để sau này vợ chồng làm nhà ở. Chị yêu cầu chia đôi các tài sản chung này. Giá trị chị Minh nhờ anh (chị) tư vấn khởi kiện và tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Câu hỏi 1 (2,0đ): Anh (chị) cần trao đổi với chị Minh những vấn đề gì trước khi khởi kiện?

Tình tiết bổ sung

Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn, chia tài sản và yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Minh. Tại bản tự khai, chị Minh trình bày: giá trị xây dựng ngôi nhà 80m² tại xã Từ Trung là do vợ chồng góp và vay mượn của họ hàng. Hiện tại vợ chồng chị còn nợ bà Lê Thị Hải (là mẹ ruột chị Minh) số tiền 100.000.000đ. Chị yêu cầu anh Khang cũng có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hải. Về nguồn gốc đất, chị Minh, đất là của gia đình ông Trần Văn Vinh và bà Chị Thị Bình (bố mẹ đẻ anh Khang), ông Vinh được cấp giấy giãn dân vào năm 1992. Năm 2000, ông Vinh đã hợp gia đình tổ chức xây nhà cho con cháu trên đất này. Năm 2001, ông Vinh đồng ý cho vợ chồng anh chị làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và anh Khang đi làm thủ tục cấp sổ đỏ. Diện tích đất này đã được cấp GCNQSDĐ (năm 2001). GCNQSDĐ đứng tên anh Khang.

Theo anh Khang: Thửa đất tại xã Từ Trung (có căn nhà của vợ chồng anh) có nguồn gốc là bố mẹ anh được cấp giãn dân năm 1992. Bố mẹ cho vợ chồng ở nhờ chứ chưa cho vì gia đình còn đông anh em. Năm 2001, anh tự kê khai làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ, gia đình anh không biết. Quan điểm của anh là trả lại đất cho ông Vinh. Anh thừa nhận hiện tại anh chị còn nợ bà Hải số tiền 100.000.000đ vay để làm nhà tại xã Từ Trung. Nhưng anh không đồng ý cùng chị Minh trả nợ số tiền này. Thực tế vợ chồng anh vay của bà Hải 200.000.000đ và anh đã trực tiếp trả cho bà Hải 100.000.000đ (có giấy

biên nhận tiền giữa anh và bà Hải đề ngày 22/12/2010). Do đó, số tiền chị còn lại, chị Minh phải tự trả cho bà Hải, đó là nghĩa vụ riêng của chị Minh.

Câu hỏi 2 (1,5 đ): Xác định trọng tâm vấn đề cần chứng minh trong vụ án?

Câu hỏi 3 (1,5 đ): Nêu định hướng thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Minh?

Tình tiết bổ sung

Hồ sơ vụ án thể hiện: Theo biên bản xác minh tại UBND xã Từ Trung, năm 2001, xã tổ chức đăng ký kê khai đồng loạt cho các hộ trong toàn bộ xã Từ Trung. Để đảm bảo quyền lợi của tất cả các hộ dân, xã đã in thông báo đến tận hộ để mọi người biết. Cán bộ xã khẳng định việc thổ hộ tên anh Nguyễn Văn Khang cũng xác nhận đã gửi thông báo trực tiếp cho ông Trần Văn Vinh. Ông Vinh còn nói với anh Mừng sẽ đến đăng ký, kê khai.

Diện tích 125m² đất được trường SQ1Q1 cấp cho anh Khang theo như lời chị Minh thực chất trường SQ1Q1 chỉ tạm giao cho anh Khang vào năm 2006. Vì chưa được Bộ Quốc phòng chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất làm nhà ở nên hiện nay vẫn là đất quốc phòng do trường SQ1Q1 quản lý.

Câu hỏi 4 (1,5 đ): Anh (chị) có cần đề nghị Tòa án triệu tập trường SQ1Q1 và UBND xã Từ Trung tham gia tố tụng không? Xác định tư cách đương sự trong vụ án? Lập luận cho đề xuất của anh (chị)?

Tình tiết bổ sung

Hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, ông Vinh và bà Bình trình bày: Nguồn gốc đất là của hộ gia đình, được UBND xã Từ Trung cấp đất giãn dân năm 1992. Chủ hộ là ông Trần Văn Vinh, ông có xây nhà cấp 4 trên đất. Năm 1993, gia đình cho vợ chồng chị Minh và anh Khang ra ở làm ăn sinh sống chứ không chuyên nhượng vì ông bị liệt nhiều năm nay, ông và con trai út là anh Trần Văn Sinh phải chăm sóc. Nguyên vọng của gia đình là để mảnh đất này cho anh Sinh vì anh Sinh chưa có chỗ ở. Khi gia đình được cấp đất giãn dân thì gia đình chỉ có bốn người là ông Vinh, bà Bình, anh Lương (anh trai anh Khang), anh Sinh. Lúc đó anh Khang đã thoát ly bộ đội tại địa phương. Khi chị Minh xin ly hôn anh Khang, ông Vinh, bà Bình mới biết anh Khang tự động sang tên đất từ năm 2001. Nay ông Vinh, bà Bình đề nghị anh Khang, chị Minh trả lại đất cho ông, bà.

Hồ sơ vụ án thể hiện: UBND huyện K có văn bản trả lời việc cấp GCNQSDĐ cho anh Khang là đúng quy định của pháp luật.

Anh Khang đồng ý ly hôn với chị Minh và thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với diện tích đất do trường SQ1Q1 tạm giao cho anh Khang, chị Minh không yêu cầu giải quyết. Khi nào mảnh đất hoàn thành thủ tục thì chị sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Đối với các khoản nợ bà Hải và diện tích đất và nhà tại xã Từ Trung, anh Khang và chị Minh vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình. Anh Khang không chứng minh được nguồn gốc khoản tiền 100.000.000đ do anh trả cho bà Hải là tiền riêng của anh.

Kết quả định giá xác định, tại thời điểm hiện tại, giá mỗi m² đất tại xã Từ Trung là 10 triệu đồng. Tất cả đồ dùng sinh hoạt trong gia đình trị giá 250.000.000đ.

Câu hỏi 5 (1,0đ): Yêu cầu của ông Vinh, bà Bình có phải là yêu cầu độc lập không? Theo anh (chị), Tòa án có chấp nhận yêu cầu của ông Vinh, bà Bình không? Giải thích lý do vì sao anh (chị) đưa ra quan điểm như vậy?

Câu hỏi 6 (2,5đ): Trên cơ sở tất cả các tình tiết của vụ án. Anh (chị) hãy trình bày những nội dung cơ bản của bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Minh tại phiên tòa sơ thẩm (Lưu ý: Học viên không ghi tên mình trong bản luận cứ).

ĐÁP ÁN KỲ THI HỌC PHẦN LỚP ĐÀO TẠO NGUỒN LUẬT SƯ KHÓA 15.3A

Câu 1 (2.0đ) Trao đổi với chị Minh những vấn đề trước khi khởi kiện:

Trao đổi về căn cứ ly hôn: Xác định nguyên nhân mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được xuất phát từ lỗi của anh Khang. Trao đổi xác định những nỗ lực hòa giải để giữ gìn hạnh phúc gia đình của chị Minh; Xác định họ hàng, bạn bè hai bên của chị Minh, anh Khang đã hòa giải chưa? 3

- Trao đổi về tài sản:

Nhà và đất trên diện tích 80m² tại xã Từ Trung, huyện K, thành phố T: Là tài sản riêng của anh Khang hay của chung chị Minh và anh Khang trong thời kỳ hôn nhân? GCNQSDĐ cấp cho anh Khang năm nào? Vì sao trong GCNQSDĐ đứng tên một mình anh Khang? Xác định nguồn gốc đất? Trao đổi về công sức đóng góp của anh Khang, chị Minh trong việc xây nhà 2 tầng và mua sắm trang thiết bị sinh hoạt trong gia đình.

Diện tích đất 125m² tại xã Thanh Chương, huyện Bình Minh, tỉnh H: Thời điểm cấp? Hồ sơ cấp đất? Đất có GCNQSDĐ chưa? Ai là người đứng tên trong GCNQSD? Xác định tài sản trên đất và công sức đóng góp của anh Khang và chị Minh đối với tài sản này? 0.75

- Trao đổi về các khoản nợ và các khoản cho vay của vợ chồng trước thời điểm tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị Minh (nếu có): xác định các khoản nợ chung, riêng, các khoản cho vay riêng, chung của chị Minh và anh Khang trong thời kỳ hôn nhân và thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ của mỗi người.

Trao đổi về yêu cầu trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng: Điều kiện nuôi con của anh Khang và chị Minh (thu nhập của mỗi người, điều kiện chỗ ở, thời gian chăm sóc con cái,...).

Trao đổi về các điều kiện khởi kiện: Yêu cầu khởi kiện cụ thể: chia tài sản nhận bằng hiện vật hay trị giá tài sản bằng tiền, đương sự, thẩm quyền, chứng cứ chứng minh, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí,... 0.25

Câu 2 (1,5đ) . Trọng tâm vấn đề cần chứng minh:

Chứng minh nghĩa vụ trả nợ số tiền 100.000.000đ vay bà Hải là nghĩa vụ chung của chị Minh và anh Khang hay nghĩa vụ riêng của chị Minh: Thời điểm vay, mục đích vay và sử dụng khoản tiền 100.000.000đ? Nguồn gốc số tiền 100.000.000đ anh Khang đã trả cho bà Hải? Giữa anh Khang và chị Minh có thỏa thuận chị Minh sẽ trả khoản nợ này cho bà Hải không? 0.5

- Chứng minh diện tích 80m² đất tại xã Từ Trung, huyện K, thành phố T là tài sản riêng của ông Vinh, bà Bình hay là ông Vinh, bà Bình đã cho anh Khang, chị Minh: Tại sao GCNQSDĐ lại đứng tên một mình anh Khang? Lý do ông Vinh, bà Bình không biết và không có ý kiến gì trong một thời gian dài từ thời điểm 2001 anh Khang được cấp GCNQSDĐ cho đến thời điểm hiện tại? Trong thời kỳ này ai là người nộp tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến diện tích đất tranh chấp đối với Nhà nước? Thỏa thuận giữa ông Vinh bà Bình và anh Khang, chị Minh về việc mượn đất? Ý kiến của ông Vinh, bà Bình về việc anh Khang, chị Minh xây nhà trên đất? Giấy phép xây dựng đứng tên ai? 1.0

Câu 3 (1,5đ)

Định hướng thu thập chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Minh:

Xác định rõ mục đích chứng minh đã nêu tại câu 2. sử dụng các biện pháp thu thập chứng cứ để chứng minh vấn đề trọng tâm cần chứng minh nêu trên.

Đề xuất Tòa án tiến hành một số hoạt động thu thập chứng cứ: đối chất giữa các đương sự, lấy lời khai của người làm chứng, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. 0,75

Đề nghị Tòa án triệu tập UBND xã Từ Trung tham gia tố tụng, vì:

Theo quy định của BLTTDS 2011, tư cách đương sự sẽ được xác định như sau:

UBND xã Từ Trung là người biết các tình tiết liên quan đến nguồn gốc tài sản tranh chấp trong vụ án ly hôn, chia tài sản và nuôi con giữa chị Minh và anh Khang nên tham gia với tư cách là người làm chứng.

Để giải quyết tranh chấp tài sản trong vụ án ly hôn, chia tài sản chung, người trực tiếp nuôi con giữa anh Khang, chị Minh. Tòa án phải xác định 125m² đất tại xã Thanh Chương thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ai nên liên quan, đến quyền lợi của Trường SQLQ. Vì vậy Trường SQLQ1 sẽ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Tuy nhiên với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Minh, chỉ cần đề nghị tòa án triệu tập UBND xã Từ Trung tham gia tố tụng nếu đề nghị triệu tập

trường SQLQ1 sẽ gây bất lợi cho chị Minh vì Trường SQLQ 1 chỉ tạm giao diện tích 125 m² đất cho anh Trung, vẫn là đất QP do trường SQLQ 1 quản lý. **0,25**

Câu 4 (1,5đ)

Giải thích theo tình tiết vụ án và Điều 56, 65, 66 BLTTDS 2011

Tư cách đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn: chị Minh

Bị đơn: anh Khang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: cháu Cường, cháu Trang, bà Hải, ông Vinh, bà Bình, trường SQLQ1. **0,5**

Giải thích theo tình tiết vụ án và Điều 56 BLTTDS 2011

Câu 5 (1,0đ)

Yêu cầu của ông Vinh, bà Bình là yêu cầu độc lập vì:

Phân tích ông Vinh, bà Bình tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án giữa nguyên đơn là chị Minh và bị đơn là anh Khang vì việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của ông Vinh, bà Bình

Yêu cầu của ông Vinh, bà Bình có liên quan đến vụ án giữa anh Khang, chị Minh và không phụ thuộc vào quyền lợi của anh Khang cũng như chị Minh. | **0,5**

Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Vinh, bà Bình, vì:

Ông Vinh, bà Bình đưa ra yêu cầu độc lập tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ông Vinh, bà Bình không nộp tạm ứng án phí và làm các thủ tục yêu cầu độc lập theo quy định của pháp luật

Giải thích theo tình tiết vụ án và Điều 61 BLTTDS, Điều 177, 178 BLTTDS | **0,5**

Câu 6 (2,5đ)

Nội dung của bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho chị Minh tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Chứng minh quan hệ hôn nhân giữa chị Minh và anh Khang là quan hệ hôn nhân hợp pháp (giải thích theo câu 1 và lời thừa nhận của các bên)

+ Chứng minh có căn cứ ly hôn đối với yêu cầu ly hôn của chị Minh (giải thích theo câu 1 và sự thống nhất của anh Khang tại phiên tòa sơ thẩm)

+ Thỏa thuận giữa anh Khang và chị Minh về nuôi con, cấp dưỡng và không nhờ Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật và được Tòa án tôn trọng. Chị Minh không có yêu cầu về diện tích đất do trường SQLQ1 tạm giao cho anh Khang.

+ Chứng minh diện tích đất 80m² tại xã Từ Trung là tài sản chung của chị Minh và anh Khang trong thời kỳ hôn nhân: (giải thích theo câu 1, 2, 3, 4 và lời xác nhận của UBND về việc cấp GCNQSDĐ của anh Khang là đúng pháp luật) và công sức đóng góp

xây nhà 2 tầng và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình của chị Minh và anh Khang là ngang nhau.

+ Chứng minh khoản vay 100.000.000đ của bà Hải là khoản vay chung của chị Minh và anh Khang trong thời kỳ hôn nhân, xác định nghĩa vụ trả nợ chung của anh Khang và chị Minh theo nguyên tắc chia đôi trách nhiệm.

+ Ông Vinh, bà Bình không có chứng cứ chứng minh diện tích 80m² đất tranh tại xã Từ Trung là tài sản riêng của ông Vinh, bà Bình. Anh Khang không chứng minh được số tiền 100.000.000đ đã trả bà Hải là tiền riêng.

+ Căn cứ quy định tại Điều 27, 89, 95, Luật HNGĐ năm 2000 để đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Minh. | 2,5

ĐỀ THI KHÓA 15.1 MN (Lớp A)

Ngày 15/5/2014 ông Nguyễn Văn Quỳnh trình bày với Luật sư: Ngày 01/02/2010 ông có cho anh Phạm Văn Hưng vay số tiền 1.200.000.000đ, thỏa thuận khi nào ông Quỳnh cần lấy lại tiền báo trước 7 ngày. Khi vay, anh Hưng có viết giấy biên nhận, theo thỏa thuận miệng lãi suất 1,5% tháng. Trong 1 năm đầu, anh Hưng trả tiền lãi đều đặn, từ năm thứ 2 trở đi, anh Hưng khất nợ. Tháng 2/2012, ông Quỳnh đòi nhiều lần nhưng anh Hưng mới trả gốc được 300.000.000đ, còn lại 900.000.000đ. Thời điểm ông Quỳnh cho anh Hưng vay, chị Phạm Thu Hà là vợ hợp pháp của anh Hưng. Anh Hưng trao đổi với ông Quỳnh lý do vay tiền để vợ chồng anh Hưng kinh doanh. Ngày 1/5/2013, ông Quỳnh yêu cầu anh Hưng trả tiền vay, anh Hưng hứa trong vòng ba tháng tới sẽ trả hết số tiền nợ gốc cho ông Quỳnh. Từ đó đến nay, anh Hưng vẫn chưa trả tiền cho ông. Qua rất nhiều nỗ lực để hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, ông Quỳnh muốn khởi kiện anh Hưng và, chị Hà yêu cầu phải trả cho ông 900.000.000đ tiền gốc và tiền lãi còn thiếu. Giả sử ông Quỳnh nhờ anh (chị) tư vấn khởi kiện và tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Câu hỏi 1 (2.0đ): Anh/Chị cần trao đổi với ông Quỳnh những vấn đề gì trước khi khởi kiện?

Câu hỏi 2 (1.5đ): Theo anh (chị) thời hiệu khởi kiện có là điều kiện bắt buộc để Tòa án thụ lý giải quyết vụ án không? Có ý kiến cho rằng, yêu cầu của ông Quỳnh đã hết thời hiệu khởi kiện? Quan điểm của Anh/Chị về vấn đề này?

Tình tiết bổ sung:

Qua trao đổi, anh (chị) xác định được: tháng 3/2011, chị Hà và anh Hưng đã được tòa án nhân dân TP. T, tỉnh H xử ly hôn. Phán quyết ly hôn đã có hiệu lực pháp luật. Anh Hưng không đồng ý với lời khởi của ông Quỳnh. Theo anh, đầu năm 2010, anh và vợ là chị Hà có bàn nhau vay tiền của ông Quỳnh để kinh doanh dịch vụ cầm đồ cùng anh Phạm Văn Hòa, là anh ruột chị Hà. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 4.5%/tháng. Trong một năm đầu, anh và vợ đã trả đầy đủ tiền lãi. Ngày 27/2/2012, anh đã trả ông Quỳnh 300.000.000đ còn lại 900.000.000đ. Do công việc kinh doanh không thuận lợi, anh có trình bày với ông Quỳnh khó khăn của gia đình anh nên hai bên thỏa thuận miệng không tính lãi số tiền còn lại. Khi hai bên thống nhất không tính lãi suất, có anh Hòa làm chứng. Nay ông Quỳnh yêu cầu trả tiền gốc còn đồng ý, còn đối với lãi suất anh không chấp nhận.

Câu hỏi 3 (1.5đ): Anh/Chị tư vấn cho ông Quỳnh yêu cầu khởi kiện? Lý giải vì sao anh/chị tư vấn cho ông Quỳnh yêu cầu khởi kiện đó?

Câu hỏi 4 (1.5đ): Xác định trọng tâm các vấn đề cần chứng minh? Anh/Chị cần thu thập chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Quỳnh?

Tình tiết bổ sung:

Tại biên bản đối chất, chị Hà cho rằng chị không có nghĩa vụ cùng anh Hưng trả tiền cho ông Quỳnh vì chị không được anh Hưng bàn bạc cũng như không biết anh Hưng

sử dụng tiền vay vào mục đích gì. Trong giấy vay nợ, chỉ có anh Hưng là người trực tiếp viết và ký hôm anh Hưng vay tiền, chị phải về quê đám tang người họ hàng. Tháng 3/2012, chị Hà và anh Hưng ly hôn. Vì thế anh Hưng và ông Quỳnh cho rằng chị phải có trách nhiệm trả cho ông Quỳnh số tiền 900.000.000đ chị không chấp nhận và không có nghĩa vụ phải tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Câu hỏi 5 (1.5đ): Theo Anh/Chị, Tòa án có triệu tập chị Hà tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không? Ý kiến của anh (chị) về yêu cầu của chị Hà?

Tình tiết bổ sung

Hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

Hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Hà và anh Hưng ly hôn theo Bản án hôn nhân gia đình số 15/2011/HNST-HNGĐ ngày 25/03/2011 đã có hiệu lực pháp luật. Theo bản án, cả chị Hà và anh Hưng đều thừa nhận không có khoản nợ chung chưa trả trước khi ly hôn. Ngoài ra, chị Hà còn cung cấp các chứng cứ chứng minh chị Hà về quê chịu tang người họ hàng tại thời điểm anh Hưng vay tiền ông Quỳnh.

Anh Hưng thừa nhận số tiền anh vay ông Quỳnh đã được anh đầu tư vào chơi cổ phiếu với anh Hòa, không cho chị Hà biết. Do giá cổ phiếu xuống thấp nên anh bị mất hết tiền.

Lời khai của anh Hòa ở bản tự khai và tại phiên tòa khẳng định, anh không trực tiếp chứng kiến việc anh Hưng vay tiền của ông Quỳnh mà chỉ nghe anh Hưng kể lại trong một lần anh Hưng rủ anh Hòa góp vốn kinh doanh cổ phiếu.

Anh Hưng không xuất trình được bất kỳ chứng cứ gì chứng minh việc ông Quỳnh không tính lãi đối với khoản nợ 900.000.000đ.

Ông Quỳnh xuất trình đoạn ghi âm cuộc nói chuyện từ điện thoại giữa ông Quỳnh và anh Hưng kèm theo văn bản xác nhận nguồn gốc xuất xứ. Trong đoạn ghi âm, anh Hưng thừa nhận khoản nợ 900.000.000đ vay ông Quỳnh và hứa sẽ trả lãi và gốc trong tháng 8/2013.

Câu hỏi 6 (2.0đ): Trên cơ sở tất cả các tình tiết của vụ án, Anh/Chị hãy trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Quỳnh tại phiên tòa sơ thẩm. *(Lưu ý: Học viên không ghi tên mình trong bản luận cứ).*

(Học viên được sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật, Giáo trình in của Học viện Tư pháp)

ĐÁP ÁN KỲ THI HỌC PHẦN LỚP ĐT LUẬT SƯ KHÓA 15.1 MN (Lớp A)

Câu 1 (2,0đ) Trao đổi với ông Quỳnh những vấn đề trước khi khởi kiện:

- + Trao đổi về hợp đồng vay 1.200.000.000đ giữa ông Quỳnh và anh Hưng vào ngày 01/02/2010;
- Các bên trong hợp đồng vay tài sản? Thời điểm vay, số tiền vay, lãi suất, hình thức hợp đồng vay? Mục đích vay?
- Trao đổi về quá trình thực hiện hợp đồng vay giữa ông Quỳnh và anh Hưng: Số tiền gốc và lãi anh Hưng đã trả? Số tiền gốc và lãi hiện anh Hưng còn nợ?
- Chứng cứ chứng minh?
- Trao đổi về thời điểm, nội dung và hình thức cam kết trả nợ gốc và tiền lãi còn thiếu giữa anh Hưng và ông Quỳnh được xác lập ngày 1/5/2013: thời hạn trả nợ, các khoản tính lãi, số tiền gốc tính lãi,...
- Trao đổi về việc sử dụng tiền vay và ý chí của chị Hiền đối với các khoản vay nói trên:
- + Anh Hưng dùng tiền vay sử dụng vào mục đích gì?
- + Chị Hà có biết và sử dụng tiền vay của ông Quỳnh hay không?
- Trao đổi về các điều kiện khác: về nơi cư trú của bị đơn, nguyên đơn? Các bên thỏa thuận như thế nào về vấn đề tranh chấp? Yêu cầu khởi kiện cụ thể, nộp tạm ứng án phí,...

Câu 2 (1,5đ) | Thời hiệu khởi kiện không phải là điều kiện bắt buộc để tòa án thụ lý giải quyết vụ án:

+ Thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự là 3 năm kể từ ngày người khởi kiện biết được quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

→ Kiến nghị theo quy định tại Điều 166 BLTTDS và Điều 6 NQ 03 ngày 3/12/2012

Thời hiệu khởi kiện là căn cứ để tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, xóa tên vụ án khỏi sổ thụ lý đối với các tranh chấp áp dụng điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 192 BLTTDS và Điều 24 NQ 05 ngày 3/12/2012

Thời hiệu khởi kiện của ông Quỳnh vẫn còn, vì:

Thời hiệu khởi kiện là 2 năm kể từ ngày 2/8/2013 (do yếu tố bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện khi anh Hưng đã thừa nhận khoản nợ 900.000.000đ chưa trả với ông Quỳnh vào ngày 1/5/2013 và hứa 3 tháng sau sẽ hoàn trả hết nợ). Giải thích theo tình tiết vụ án và quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 162, Điều 427 BLDS 2005, Điều 24 NQ 03/2012 ngày 3/12/2012. 0,75

Câu 3 (1,5đ) | Tư vấn yêu cầu khởi kiện cho ông Quỳnh:

Khởi kiện yêu cầu tòa án buộc anh Hưng trả nợ gốc 900.000.000đ; tiền lãi trên gốc theo mức tiền lãi quá hạn theo lãi suất cơ bản do NHNN công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ, vì:

+ Giữa anh Hưng và ông Quỳnh tồn tại hợp đồng vay tiền hợp pháp ngày 01/02/2010. Hết hạn trả nợ anh Hưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận.

+ Anh Hưng thừa nhận đã trả 1 năm tiền lãi suất, 300 triệu tiền gốc, ngày 1/5/2013 thừa nhận nợ 900 triệu đồng

+ Anh Hưng và ông Quỳnh có tranh chấp về lãi suất cho vay | 0,25 |

Câu 4 (1.5đ) Trọng tâm các vấn đề cần chứng minh:

Chứng minh có hay không thỏa thuận lãi suất vay đối với số tiền 1.200.000.000 giữa anh Hưng và ông Quỳnh? Nếu có lãi suất bao nhiêu? Số tiền lãi anh Hưng còn thiếu đối với hợp đồng vay tiền ngày 1/2/2010?

Chứng minh có hay không việc ông Quỳnh không tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc 900.000.000đ vào ngày 1/5/2013. Nếu có lãi suất bao nhiêu và thời điểm anh Hưng cam kết trả nợ gốc và lãi?

Chứng minh một mình anh Hưng hay cả anh Hưng và chị Hà đều có nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh đối với 900.000.000đ. 0,75

Thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Quỳnh:

Chứng cứ chứng minh hợp đồng vay tiền 1,2 tỷ ngày 1/2/2010 giữa anh Hưng và ông Quỳnh thỏa thuận lãi suất và số tiền lãi thực tế anh Hưng đã trả và còn thiếu: biên nhận vay, thỏa thuận lãi suất, lời khai của người làm chứng, biên nhận tiền lãi anh Hưng trả,...

Chứng cứ chứng minh ngày 1/5/2013, anh Hưng thừa nhận nợ gốc 900.000.000 và hẹn 3 tháng sau trả hết tiền lãi và gốc cho ông Quỳnh: thừa nhận khoản lãi trong hạn và quá hạn chưa trả đối với khoản vay ngày 1/2/2010 và số tiền 900.000.000đ nợ gốc của anh Hưng, ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông Quỳnh và anh Hưng (nếu có), lời khai người làm chứng?

Yêu cầu anh Hưng xuất trình chứng cứ chứng minh đây là khoản vay chung của anh Hưng và chị Hà

Liệt kê các biện pháp thu thập chứng cứ để chứng minh vấn đề trọng tâm cần chứng minh nêu trên

Đề nghị Tòa án tiến hành đối chất giữa các đương sự, lấy lời khai của người làm chứng. 0,75

Câu 5 (1.5đ) | Tòa án triệu tập chị Hà với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vì:

Hợp đồng vay tiền 1.200.000.000 đồng giữa anh Hưng và ông Quỳnh được xác lập ngày 1/2/2010 trong thời gian anh Hưng và chị Hà đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa anh Hưng và ông Quỳnh liên quan đến xác định trách nhiệm trả nợ của chị Hà và anh Hưng đối với hợp đồng vay của một bên vợ – chồng trong thời kỳ hôn nhân nên ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Hà.

Lời khai của anh Hưng và chị Hà mâu thuẫn trong việc thừa nhận nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án cần tiến hành đối chất để xác định nghĩa vụ trả nợ.

Giải thích theo tình tiết vụ án và Điều 25 Luật HNGĐ 2000, Điều 88, khoản 4 Điều 56 BLTTDS và Nghị quyết 03 ngày 3/12/2012 của HĐTP TANDTC. 0,75

Yêu cầu của chị Hà có cơ sở pháp lý, vì:

Đối với hợp đồng vay tiền 1.200.000.000đ ngày 1/2/2010:

Khi anh Hưng vay tiền của ông Quỳnh, chị không được anh Hưng... *(dòng này bị cắt nửa trang, chưa đầy đủ – bạn có thể gửi nốt phần tiếp theo ở trang sau để mình điền nốt)*
0,75

+ Trong biên bản vay tiền, bên vay là anh Hưng, chị Hà đang ở quê đám tang người thân.

+ Đối với cam kết trả nợ tiền gốc 900.000.000đ và tiền lãi phát sinh ngày 1/5/2013:

Tại thời điểm cam kết trả nợ gốc 900.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ khoản vay ngày 1/2/2010 và tiền lãi phát sinh từ nợ gốc 900tr đến nay, chị Hà và anh Hưng đã ly hôn (tháng 3/2011)

Người trực tiếp thỏa thuận với ông Quỳnh là anh Hưng, chị không tham gia và không biết (lời khai của ông Quỳnh và lời thừa nhận của anh Hưng về việc thỏa thuận vay mới và thời điểm trả nợ).

Giải thích theo tình tiết vụ án và Điều 25 Luật HNGĐ.

Câu 6 (2.0đ) | Nội dung của bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho ông Quỳnh tại phiên tòa sơ thẩm:

Chứng minh hợp đồng vay tiền ngày giữa anh Hưng và ông Quỳnh ngày 1/2/2010 phát sinh hiệu lực pháp luật. Hợp đồng ngày 1/2/2010 là hợp đồng vay không kỳ hạn, có xác định thời hạn báo trước bảy ngày và có lãi. Cam kết trả nợ gốc ngày 1/5/2013 được xem là phụ lục hợp đồng, xác định: thời hạn trả nợ mới, số tiền nợ gốc 900.000.000đ và lãi phải trả (tiền lãi trong hạn và quá hạn đối với hợp đồng vay tiền ngày 1/2/2010 đến ngày 30/4/2013 và đối với số tiền 900.000.000đ từ ngày 1/5/2013) (giải thích theo câu theo 1,2,3,4 và lời khai của anh Hòa tại phiên tòa).

Chứng minh đây là khoản nợ riêng của anh Hưng trong thời kỳ hôn nhân với chị Hà (giải thích theo câu 5 và chứng cứ chị Hà xuất trình tại phiên tòa, lời thừa nhận của anh Hưng tại phiên tòa).

Chứng minh anh Hưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ (giải thích theo câu 1,2,3,4 và lời khai của các bên tại phiên tòa):

+ Đối với hợp đồng ngày 1/2/2010:

Anh Hưng mới trả 01 năm tiền lãi trên nợ gốc kể từ ngày 1/2/2010 đến 1/2/2011 và 300.000.000 triệu tiền gốc ngày 27/2/2012.

Anh Hưng còn nợ số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với hợp đồng ngày 1/2/2010.

Đối với phụ lục hợp đồng ngày 1/5/2013:

Anh Hưng nợ số tiền gốc 900.000.000đ

Anh Hưng nợ số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn từ ngày 1/8/2013 đến ngày anh Hưng phải thi hành án trả nợ cho ông Quỳnh theo bản án của Tòa án có thẩm quyền.

Anh Hưng không xuất trình được các chứng cứ chứng minh lãi suất đối với hợp đồng vay 1/2/2010 là 4,5% và hợp đồng vay ngày 1/5/2013 không tính lãi.

Căn cứ quy định tại Điều 25 Luật HNGĐ, Điều 471, 474, 476 BLDS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Hưng trả số tiền gốc còn thiếu, lãi trong hạn và lãi quá hạn cho ông Quỳnh. | 2.0 |

ĐỀ THI KHÓA 15.1 MN (lớp D)

Ngày 1/09/2014 ông Lý Mã trình bày với Luật sư như sau:

Ông là người có quốc tịch Trung Quốc. Năm 2005, ông sang Việt Nam đầu tư kinh doanh. Ngày 11/1/2006, ông Mã mua của vợ chồng ông Ninh Văn Thịnh, bà Nguyễn Thị Hoa mảnh đất tại 199 Lý Giám Tiên, phường 9 quận K, thành phố H. Vì không có quốc tịch Việt Nam nên ông Mã đã nhờ bà Nguyễn Thị Bích Ngân là người cùng làm ăn với ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do khoản đầu tư xây nhà, lắp đặt nội thất quá lớn nên ông Mã đã vay của bà Nguyễn Thị Ngân, là chị dâu của bà Ngọc số tiền 2.000.000.000 đồng vào ngày 19/8/2007. Lãi suất hai bên ngầm thỏa thuận là 10% một tháng cho số tiền 2.000.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay, bà Ngân yêu cầu ông Mã phải chuyển tên căn nhà tại 199 Lý Giám Tiên, phường 9 quận K, thành phố H cho bà. Vì căn tiền nên ngày 6/8/2008, ông Mã đã lập hợp đồng chuyển nhượng nhà ở và quyền sử dụng đất và tiến hành sang tên căn nhà 199 Lý Giám Tiên cho bà Ngân.

Trong 8 tháng đầu tiên, ông Mã trả lãi đều đặn cho bà Ngân, sang tháng tiếp theo ông Mã xin bà Ngân giãn lãi về 6 tháng trả một lần nhưng bà Ngân không đồng ý. Nhiều lần ông xin khất nợ và bà Ngân đồng ý gia hạn đến tháng 5/2012 phải trả được cho bà tiền lãi chưa trả và 1.000.000.000 số tiền gốc. Đến tháng 6/2012, ông Mã mới chỉ trả được một nửa tiền lãi. Vẫn nợ bà Ngân 2.000.000.000 tiền gốc.

Từ đó cho đến tháng 6/2014, bà Ngân sang Hà Lan sống với con gái. Tháng 1/2014, bà Ngân về nước thường trú tại nhà 26, phường Bình Tiên, quận K, thành phố H. Bà Ngân yêu cầu ông Mã trả nợ cho bà. Ngày 22/8/2014, dưới sức ép yêu cầu ông bán nhà để trả nợ của bà Ngân, ông Mã đã phải viết giấy cam kết nợ là 3.000.000.000 đồng.

Ông Mã muốn Luật sư giúp ông các thủ tục để khởi kiện, yêu cầu bà Ngân trả lại ngôi nhà số 199 Lý Giám Tiên, phường 9 quận K, thành phố H. Ông Mã đồng ý trả lại khoản tiền còn nợ bà Ngân là 2.000.000.000 đồng với lãi suất được tính theo lãi suất Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Câu hỏi 1 (2.0đ):

Anh (chị) cần trao đổi với ông Mã những vấn đề gì trước khi khởi kiện?

Tình tiết bổ sung

Ông Mã cung cấp cho anh/chị:

Giấy tờ thể hiện các khoản tiền ông trả cho các hợp đồng xây dựng, nhân công và mua vật liệu, nội thất;

Hợp đồng hợp tác kinh doanh lập ngày 19/8/2007 giữa ông Mã và bà Ngân với nội dung: Bà Ngân (bên A) góp vốn 2.000.000.000 VN đồng vào xây dựng nhà để kinh doanh cho thuê tại 199 Lý Giám Tiên. Ông Mã sẽ trả lãi hàng tháng cho bà Ngân kinh doanh shop quần áo tại 199 Lý Giám Tiên, phường 9 Quận K, thành phố H. Chậm nhất sau hai năm kể từ ngày 19/8/2007, khi Bên B hoàn trả lại số tiền góp vốn cho bên A, bên A sẽ

sang tên căn nhà 199 Lý Giám Tiên cho bên thứ ba theo sự gợi ý của bên A; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và chuyển quyền sử dụng đất 199 Lý Giám Tiên lập ngày 6/8/2008 giữa bà Ngọc và bà Ngân.

Câu hỏi 2 (2.0đ):

Anh/chị hãy tư vấn cho ông Mã về yêu cầu khởi kiện? Lý giải vì sao anh/chị tư vấn cho ông Mã các yêu cầu khởi kiện đó?

Tình tiết bổ sung

Khi trao đổi với Luật sư, ông Mã cho biết: Năm 2013, Ông Mã đã kết hôn với chị Lê Kim Oanh, quốc tịch Việt Nam. Hai vợ chồng có địa chỉ tạm trú tại 122, phường DaKao, quận T, thành phố H.

Câu hỏi 3 (1.0đ): Xác định Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án. Lý giải rõ vì sao anh/chị xác định Tòa án đó?

Tình tiết bổ sung

Hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình. Ông Ninh Văn Thịnh, bà Nguyễn Thị Hoa khẳng định ông bà đã bán căn nhà này và ghi giấy tay cho ông Mã, do ông Mã không đủ điều kiện đứng tên sở hữu nên nhờ bà Ngọc đứng tên hộ.

Bà Ngọc khẳng định bà đã đứng tên hộ ông Mã trong Hợp đồng mua bán nhà số 31929/HĐ-MB đã ký tại phòng công chứng ngày 20/5/2006, giữa vợ chồng bà và ông Mã. Bà Ngọc xuất trình cho Tòa án đoạn ghi âm ông Mã và bà Ngân, bà Ngọc thỏa thuận về việc chuyển quyền sử dụng đất cho bà Ngân nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ vay tiền của ông Mã. Người làm chứng là vợ chồng bà Ngọc, ông Mã và một người bạn của ông Mã.

Ông Mã khẳng định có vay 2.000.000.000 VNĐ của vợ chồng bà Ngân. Bà Ngân đồng ý cho mượn với điều kiện chuyển quyền sở hữu căn nhà 199 Lý Giám Tiên cho bà Ngân...

Hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Ngọc là người đại diện cho ông Mã trong thời gian kinh doanh cho thuê mặt bằng ở 199 Mã Giám Tiên. Hàng tháng ông Mã trả cho bà Ngọc tiền đứng tên. Theo bà Ngọc, nhà này là của ông Mã, bà và ông Mã vẫn tiếp tục kinh doanh cho đến khi ông Mã lấy vợ. Ngay khi bà Ngân đứng tên trong giấy tờ sở hữu nhà thì bà Ngọc vẫn thay mặt ông Mã nộp thuế với cơ quan nhà nước (có biên lai kèm theo). Ngoài ra, ông Mã còn xuất trình cho Tòa án: Giấy phép kinh doanh do bà Ngọc làm giám đốc.

Câu hỏi 4 (5.0đ): Trên cơ sở tất cả các tình tiết của vụ án, anh chị hãy trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Mã tại phiên tòa sơ thẩm. *(Lưu ý: Học viên không ghi tên mình trong bản luận cứ).*

(Học viên được sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật, Giáo trình in của Học viện Tư Pháp)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KHÓA 15.1 LỚP D

Câu hỏi	Nội dung trả lời
Câu 1 (2.0đ)	<i>Trao đổi với ông Lý Mã những vấn đề sau trước khi khởi kiện:</i>
	- Trao đổi về quyền sở hữu nhà 199 Lý Giám Tiền:
	+ Nguồn gốc số tiền mua nhà? Ai là người trực tiếp trả tiền cho ông Thịnh, bà Hoa? Biên lai giao nhận tiền giữa ông Mã và bà Hoa, ông Thịnh?
	- Thỏa thuận giữa ông Mã và bà Ngọc Bích về việc bà Bích đứng tên trong giấy tờ sở hữu nhà 199 Lý Giám Tiền? Ý kiến của bà Bích về vấn đề này?
	- Trao đổi về hợp đồng vay tài sản giữa ông Lý Mã và bà Ngân
	+ Nội dung, hình thức hợp đồng vay tiền giữa ông Mã và bà Ngân: mục đích vay? Số tiền vay? Lãi suất? Thời hạn vay? Hình thức thanh toán? Có tài sản bảo đảm khoản vay không?
	+ Quá trình thực hiện hợp đồng vay: Số tiền ông Mã đã trả? Số tiền còn nợ? Tiền gốc? Tiền lãi? Lãi quá hạn?
	- Trao đổi việc hợp đồng chuyển nhượng nhà ở và quyền sử dụng đất, do bà Ngân đứng tên sở hữu: Mục đích chuyển nhượng (Bảo đảm khoản tiền vay của ông Mã hay ông Mã bán cho bà Ngân?); Hợp đồng đã công chứng chưa? Ai đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng?
	- Trao đổi về các điều kiện khác: yêu cầu khởi kiện cụ thể của nguyên đơn, trao đổi về nơi cư trú của ông Mã khi Tòa thụ lý giải quyết vụ án, nộp tạm ứng án phí...
Câu 2 (2.0đ)	<i>Tư vấn yêu cầu khởi kiện:</i>
	- Đề nghị Tòa án xác nhận quyền sở hữu nhà thuộc về ông Mã 0,75
	+ Riêng mua nhà 199 Lý Giám Tiền là do ông Mã bỏ ra
	+ Bà Ngọc xác nhận việc bà đứng tên trên giấy tờ sở hữu nhà và sử dụng đất hộ ông Mã, bà không tranh chấp về nhà và đất tại 199 Lý Giám Tiền
	- Đề nghị xem xét hợp đồng chuyển nhượng nhà giữa bà Ngọc và bà Ngân là hợp đồng vô hiệu do giả tạo và xử lý hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: 0,75
	+ Giữa ông Mã và bà Ngân tồn tại hợp đồng vay ngày 19/8/2007 (có sự xác nhận của bà Ngọc, thừa nhận của bà Ngân)

	+ Để đảm bảo cho khoản vay, bà Ngân yêu cầu ông Mã thông qua bà Ngọc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và sử dụng đất tại 199 Lý Giác Tiên cho bà Ngân ngày 6/8/2008 (thừa nhận của bà Ngân, hàng tháng ông Mã phải trả lãi cho khoản vay này đến trước tháng 6/2012 với lãi suất 10% tháng)
	+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 19/8/2007 giữa ông Mã và bà Ngân thực chất là hợp đồng vay tài sản giữa ông Mã và bà Ngân (thỏa thuận hàng tháng ông Mã trả lãi cho bà Ngân về số tiền góp vốn 2.000.000.000 đồng không phù hợp với nguyên tắc và bản chất chia sẻ lợi ích của HĐ hợp tác kinh doanh là: lãi cùng hưởng, lỗ cùng chịu dựa trên tỷ lệ vốn góp mỗi bên).

Câu 3 (1.0đ)

Giải thích theo tình tiết vụ án và các Điều 129, 137, 342, 344, 350, 357, 471, 476 BLDS

Tòa án có thẩm quyền: Tòa án quận K, TP.H.

Giải thích:

Xác định thẩm quyền theo loại việc của Tòa án: Tranh chấp về quyền sở hữu quy định tại khoản 2 Điều 25 BLTTDS. → 0,25 điểm

Giải thích theo dữ kiện tranh chấp không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp (**Năm 2013 ông Mã cưới vợ người Việt Nam tạm trú ở Việt Nam tại thời điểm tòa án thụ lý giải quyết vụ án**). Xác định thuộc thẩm quyền của tòa án cấp huyện căn cứ vào Điều 33 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. → 0,25 điểm

Xác định tòa án nơi có bất động sản theo tình tiết và khoản 1 Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. → 0,25 điểm

Câu 4 (5.0đ)

Bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mã (học viên không ghi tên vào bản luận cứ):

Khẳng định nhà 199 Lý Giác Tiên là tài sản hợp pháp của ông Mã:

Giải thích theo câu 1, 3 và lời chứng của bà Ngọc, người bạn của Mã, ông Thịnh, bà Hoa tại phiên tòa. → 5,0 điểm

Khẳng định tồn tại hợp đồng vay 2.000.000.000đ giữa ông Mã và bà Ngân và lãi suất 10% tháng vượt quá 150% lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước tại thời điểm cho vay: giải thích theo câu 1,3,5.

Khẳng định bà Ngân đứng tên nhà và đất 199 Lý Giác Tiên nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông Mã trong hợp đồng vay: giải thích theo câu 1,2 và lời chứng của bà Ngọc và bằng ghi âm bà Ngọc xuất trình.

Khẳng định ông Mã đã trả 8 tháng tiền lãi trên nợ gốc và một nửa tiền lãi từ tháng 6/2008 đến tháng 6/2012 (giải thích theo câu 1,2)

Khẳng định hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất giữa bà Ngọc, bà Ngân là hợp đồng vô hiệu do giả tạo nhằm đảm bảo khoản tiền vay của ông Mã đối với bà Ngân (giải thích theo câu 2)

Giải thích theo tình tiết vụ án và Điều 129, 137, 342, 344, 350, 357, 471, 476 BLDS 2005, xác định nhà 199 Lý Giám Tiên là tài sản ông Mã thế chấp cho bà Ngân đảm bảo nghĩa vụ vay tài sản, yêu cầu bà Ngân trả lại nhà khi ông Mã trả hết nợ gốc và lãi vay còn thiếu trên nợ gốc theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

ĐỀ THI KHÓA 15.1 (LỚP F)**Thời gian: 150 phút****Ngày 5/7/2014, khi trao đổi với luật sư, bà Mai trình bày:**

Sau thời gian thử việc, ngày 27/3/2012, bà và Phó Tổng Giám đốc Công ty H.K Việt Nam ký hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng. Công việc của bà theo hợp đồng lao động là công nhân in và thêu, mức lương 4.270.000đ/tháng. Trong thời gian làm việc tại Công ty bà không có sai phạm gì.

Vào ngày 20/9/2013 trong lúc bà đang làm việc thì chủ quản lý xưởng là ông Ji gọi bà lên chỗ làm việc của ông. Ông Ji đập bàn la lớn đuổi bà trước mặt nhiều công nhân và gọi bảo vệ đuổi bà ra ngoài. Bà rất bức xúc trước thái độ của ông Ji nên nhờ lãnh đạo Công ty can thiệp. Lãnh đạo Công ty cho bà vào làm nhưng ông Ji bắt bà ký biên bản khiển trách mới được vào. Bà không đồng ý nên Công ty đã ban hành quyết định cho bà nghỉ việc. Bà đã nhận lương những ngày làm việc trong tháng 9/2013.

Bà Mai muốn luật sư giúp bà các thủ tục để khởi kiện vụ tranh chấp đến Tòa án.

Bà Mai cung cấp cho luật sư Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 11/QĐ ngày 15/10/2013 do Giám đốc Công ty H.K ký. Quyết định không nêu rõ căn cứ pháp lý Công ty viện dẫn.

Câu hỏi 1: (2.0 điểm)

Những vấn đề luật sư cần trao đổi, làm rõ với bà Mai sau khi nghe bà Mai trình bày sự việc?

Tình tiết bổ sung

Khi trao đổi về yêu cầu khởi kiện, bà Mai cho biết:

Bà đóng bảo hiểm thất nghiệp từ khi vào làm việc tại Công ty. Bà nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng số 11/QĐ vào ngày 17/10/2013.

Bà không yêu cầu được trở lại làm việc tại Công ty H.K, bà chỉ yêu cầu Tòa án buộc Công ty H.K phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà. Mức lương của bà trước khi bị nghỉ việc tại Công ty H.K là 5.000.000đ/tháng.

Câu hỏi 2: (1.5 điểm)

Trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, anh (chị) hãy giúp bà Mai thể hiện các yêu cầu khởi kiện trong Đơn khởi kiện (Học viên không phải soạn thảo đơn khởi kiện)

Tình tiết bổ sung

Có quan điểm cho rằng: Công ty TNHH H.K Việt Nam là Công ty 100% vốn của nước ngoài, giám đốc công ty là người nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Câu hỏi 3: (1.0 điểm)

Anh (chị) có đồng ý với quan điểm trên không? Vì sao?

Tình tiết bổ sung

Ông K, đại diện Công ty TNHH H.K Việt Nam trình bày:

Ngày 20/9/2013 ông có nhận được điện thoại của Xưởng 3, chi nhánh Phước Hiệp về vụ mâu thuẫn giữa 2 công nhân và chuyên gia người Hàn Quốc. Ông K đã trực tiếp xuống xưởng giải quyết. Nguyên nhân vụ mâu thuẫn là do bà Mai và 1 công nhân trong xưởng vì nghi ngờ vụ trộm 2 chiếc điện thoại di động của chuyên gia người Hàn Quốc. Lãnh đạo xưởng 3 có cử 2 công nhân bắt biên bản khiển trách và khuyết điểm cãi nhau trong xưởng. Sau đó ông K đã hoà giải hai bên nhưng bà Mai không chịu đi làm. Ông có mời bà Mai về văn phòng chính thấy mặt Ban giám đốc xin lỗi về sự nóng tính của chuyên gia và yêu cầu bà Mai trở lại làm việc. Ngày 30/9/2013, bà Mai lên gặp ông và xin nghỉ việc không làm nữa, ông yêu cầu viết Đơn xin nghỉ việc. Ngày 1/10/2013 bà Mai đã viết Đơn xin nghỉ việc. Mặc dù chưa được sự đồng ý của Giám đốc Công ty nhưng bà Mai đã nghỉ việc từ ngày 2/10/2013. Nay bà Mai kiện Công ty H.K đòi bồi thường có căn cứ rằng việc cho bà Mai đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.

Tại Tòa án, bà Mai trình bày: trong thời gian đợi sự đồng ý của Công ty về việc bà xin chấm dứt hợp đồng lao động, ngày 2/10/2013, bà vẫn đến Công ty để làm việc nhưng ông Ji là xưởng trưởng đã không cho bà vào làm việc.

Câu hỏi 4: (1.5 điểm)

Là luật sư của bà Mai, anh (chị) hãy xác định trọng tâm vấn đề cần chứng minh làm rõ trong vụ tranh chấp trên. Lý giải rõ vì sao anh (chị) lại xác định như vậy?

Tình tiết bổ sung**Kết quả hỏi tại phiên tòa cho thấy:**

Bảng chấm công tháng 9/2013 của Công ty H.K thể hiện: Từ ngày 21/9/2013 đến ngày 29/9/2013 bà Mai không đi làm.

Ngày 1/10/2013, bà Mai viết Đơn xin nghỉ việc. Đơn xin nghỉ việc của bà Mai không nêu rõ lý do bà Mai nghỉ việc. Bà Mai không đi làm sau khi gửi đơn.

Không có chứng cứ nào thể hiện ông Ji không cho bà Mai vào làm việc.

Ngày 15/10/2013, Giám đốc Công ty H.K đã ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Mai. Theo Công ty, việc ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Mai là để Công ty làm thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Mai vì trên thực tế bà Mai đã chính thức nghỉ việc tại Công ty từ ngày 2/10/2013.

Câu hỏi 5: (2.5 điểm)

Là luật sư của Công ty H.K, anh (chị) hãy nêu những nội dung chính anh (chị) sẽ tranh luận để bảo vệ quyền lợi cho thân chủ tại phiên tòa sơ thẩm (Học viên không được ghi tên mình trong luận cứ)

Tình tiết bổ sung

Giả thiết rằng tại phiên tòa lao động sơ thẩm, đại diện Công ty H.K có yêu cầu đòi bà Mai phải bồi thường cho Công ty tiền lương những ngày không báo trước và ½ tháng lương của bà Mai do bà Mai đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với Công ty H.K.

Câu hỏi 6: (1.5 điểm)

Yêu cầu của Công ty H.K có được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trong vụ án này không? Vì sao?

(Học viên được sử dụng văn bản pháp luật; Giáo trình in của HVTP)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KHÓA 15.1 (LỚP F)

Câu hỏi	Nội dung cần trả lời
Câu 1 (2.0đ)	Luật sư cần trao đổi, làm rõ những vấn đề sau với bà Mai:
	- Quan hệ lao động giữa 2 bên: Sau khi hợp đồng lao động ký ngày 27/3/2012 hết hạn, giữa bà Mai và Công ty H.K có ký hợp đồng mới không? Nếu có thì thời hạn của HĐLĐ mới là bao lâu?
	Tiền lương của bà Mai trước khi bị nghỉ việc? Khi vào làm việc tại Công ty, bà có được Công ty đóng bảo hiểm thất nghiệp không? Đóng từ thời điểm nào? → 0.5đ
	- Tính hợp pháp của Quyết định số 11/QĐ:
	+ Lý do Công ty H.K cho bà Mai nghỉ việc: Quyết định số 11/QĐ không ghi rõ căn cứ pháp lý để ban hành QĐ cho bà Mai thôi việc nên luật sư cần hỏi: Bà Mai đã làm rõ lý do bà Mai bị nghỉ việc? Bà Mai có hành vi vi phạm kỷ luật không? Bà Mai có bao giờ bị Công ty nhắc nhở về việc không hoàn thành công việc được giao không...? → 0.25đ
	+ Thủ tục Công ty H.K tiến hành trước khi cho bà Mai nghỉ việc: Luật sư cần hỏi bà Mai để làm rõ Công ty đã tiến hành những thủ tục gì trước khi cho bà Mai nghỉ việc → 0.25đ
	- Bà Mai nhận được QĐ chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày nào? Các bên có tiến hành hòa giải trước khi gặp LS không? Nếu có thì ai hòa giải, kết quả hòa giải? → 0.25đ
Câu 2 (1.5đ)	- Mong muốn (yêu cầu) của bà Mai khi khởi kiện vụ tranh chấp đến tòa án → 0.25đ
	Luật sư nên thể hiện các yêu cầu sau trong đơn khởi kiện: - Đề nghị Tòa án tuyên Quyết định số 11/QĐ ngày 7/6/2012 của Giám đốc Công ty H.K là trái pháp luật và buộc Công ty H.K phải hủy quyết

	định này. → 0.25đ - Đề nghị Tòa án buộc Công ty H.K phải bồi thường cho bà Mai tiền lương những ngày bà Mai không được làm việc (từ ngày 07/6/2012 đến ngày tòa án giải quyết xong vụ án) và ít nhất là 02 tháng lương theo mức lương 5 triệu đồng/tháng. → 0.5đ - Công ty H.K phải thanh toán cho bà Mai tiền phép năm những ngày chưa nghỉ → 0.25đ - Công ty H.K phải đóng BHXH và trả sổ BHXH có xác nhận thời gian đóng đến ngày tòa án giải quyết xong vụ án. → 0.5đ Căn cứ pháp lý: Điều 42; Điều 114 BLLĐ 2012
Câu 3 (1.0đ)	- Không đồng ý với quan điểm trên. Vụ việc tranh chấp giữa bà Mai và Công ty H.K thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp quận, huyện. Việc Công ty H.K có vốn của nước ngoài cùng như TGD là người nước ngoài không được coi là có “đương sự ở nước ngoài” → 0.5đ - Học viên phân tích và giải thích theo điểm c khoản 1 Điều 33 BLTTDS; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 03/2012/NQ – HĐTP. → 0.5đ
Câu 4 (1.5đ)	- Trọng tâm cần chứng minh làm rõ với tư cách LS của bà Mai: Công ty H.K đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Mai. - Việc bà Mai có yêu cầu khởi kiện, của bà Mai và chứng cứ trong vụ kiện là: việc bà Mai không đi làm từ ngày 21/09/2013 là do Công ty đã ngăn cản quyền làm việc của bà. Ông Ji - xưởng trưởng đã không cho bà vào làm. → 0.75đ - Phân tích các chứng cứ liên quan → 0.75đ
Câu 5 (2.5đ)	LS của bị đơn cần tranh luận: ● Quan hệ lao động: do HĐLĐ ký ngày 27/3/2012 hết hạn, giữa bà Mai và Công ty không ký HĐLĐ mới, bà Mai vẫn làm việc tại Công ty nên giữa các bên tồn tại HĐLĐ không xác định thời hạn theo khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động 2012. → 0.75đ ● Bà Mai đã đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật với Công ty H.K từ ngày 2/10/2013: - Theo quy định tại Điều 37 BLLĐ 2012 thì khi đơn phương chấm dứt HĐLĐ với Công ty, bà Mai phải báo cho Công ty ít nhất 45 ngày. Tuy nhiên, bà Mai chỉ báo cho Công ty trước 01 ngày (Bà Mai viết đơn xin nghỉ việc từ 1/10/2013 và ngày 2/10/2013 bà Mai nghỉ việc luôn) → 1.25đ - Bà Mai cho rằng ông Ji không cho bà vào làm việc vào ngày

	2/10/2013 là không có cơ sở → 0.5đ
	* Do bà Mai đã đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật nên đề nghị Tòa án bác tất cả các yêu cầu khởi kiện của bà Mai
Câu 6 (1.5đ)	- Yêu cầu của Công ty H.K là yêu cầu phản tố (Học viên phân tích theo Điều 176 BLTTDS và Điều 12 Nghị quyết số 05/2012/NQ – HĐTP ngày 3/12/2012)
	- Theo khoản 3 Điều 176 BLTTDS: bị đơn chỉ được quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Khi có yêu cầu phản tố, bị đơn phải làm Đơn yêu cầu phản tố và nộp tạm ứng án phí theo Điều 178 BLTTDS → bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố tại phiên tòa sơ thẩm là không đúng quy định của PL nên HĐXX sẽ không xem xét chấp nhận. → 1.5đ

ĐỀ THI LỚP LUẬT SƯ CẦN THƠ

Ngày 3/02/2014 chị Nguyễn Thị Huệ đến văn phòng Luật sư gặp anh (chị) trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Vinh lấy nhau năm 1995. Anh Vinh là con trai thứ sáu của ông Nguyễn Văn Trinh và bà Nguyễn Thị Duyên. Năm 2008 anh Vinh chết do tai nạn lao động.

Vợ chồng chị có 03 con chung là: cháu Nguyễn Thị Hoà, cháu Nguyễn Văn Thuận, cháu Nguyễn Văn An. Khi anh Vinh còn sống, vợ chồng chị có tạo lập được một khối tài sản, trong đó có diện tích đất nông nghiệp là 1.050m² tại xứ đồng bờ Tuy thuộc thôn Lai Cách, xã N, huyện S. Sau khi anh Vinh chết, ông Trinh đã lấy toàn bộ diện tích đất trên để canh tác, không trả cho chị.

Chính vì vậy chị Huệ muốn khởi kiện yêu cầu ông Trinh phải trả lại diện tích đất 1.050m² tại xứ đồng bờ Tuy do ông Trinh đang chiếm giữ.

Chị Huệ đề nghị anh (chị) tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi cho chị.

Câu hỏi 1 (1.5 điểm):

Anh (chị) hãy xác định các vấn đề cần trao đổi với chị Huệ trước khi khởi kiện vụ tranh chấp đến Tòa án?

Câu hỏi 2 (1.0 điểm):

Anh (chị) hãy xác định các giấy tờ, tài liệu chị Huệ phải nộp kèm theo đơn khởi kiện?

Tình tiết bổ sung:

Tòa án có thẩm quyền thụ lý vụ án. Tại bản tự khai nộp tòa án ngày 20/5/2014, ông Nguyễn Văn Trinh trình bày: Năm 1995, con trai ông là Nguyễn Văn Vinh lấy cô Nguyễn Thị Huệ về làm vợ và sinh được 03 người con là Nguyễn Thị Hoà, Nguyễn Văn Thuận và Nguyễn Văn An. Năm 2008, anh Vinh mất do tai nạn lao động. Nay cô Huệ kiện ông phải trả diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng bờ Tuy là 1.050m², ông không chấp nhận vì diện tích đất trên là do ông đổi cho các hộ khác về gần nhà để tiện canh tác, còn sổ đỏ cấp cho anh Vinh là không đúng. Do vậy ông không đồng ý yêu cầu của chị Huệ đồng thời ông yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất trên là của vợ chồng ông.

Bà Nguyễn Thị Duyên thống nhất với trình bày của ông Trinh.

Câu hỏi 3 (1.5 điểm):

Anh (chị) hãy xác định các vấn đề cần chứng minh trong vụ án?

Câu hỏi 4 (1.5 điểm):

Yêu cầu của ông Trinh có phải là yêu cầu phản tố không? Giải thích tại sao?

Tình tiết bổ sung:

Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Chị Huệ và anh Vinh kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S. Diện tích đất tranh chấp cấp cho hộ gia đình anh Nguyễn Văn Vinh năm 2004 là đất nông nghiệp, sổ tờ bản đồ 874/QSDĐ. Anh Vinh chết không để lại di chúc. 03 con chung của anh Vinh, chị Huệ là cháu Hòa sinh năm 1997, cháu Thuận sinh năm 1999, cháu An sinh năm 2002. Hộ gia đình anh Nguyễn Văn Vinh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm ông Trinh, anh Vinh, chị Huệ. Thời điểm kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Trinh đang ở cùng anh Vinh, chị Huệ. Vợ chồng ông Trinh đang canh tác trên diện tích đất tranh chấp.

Theo lời khai của ông Nguyễn Xuân Hợp – nguyên Trưởng tiểu ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: ông là người trực tiếp đến nhà anh Vinh, chị Huệ, lúc đó ông Trinh đang ở cùng để làm thủ tục kê khai. Khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông là người đã giao cả 2 bản cho chính ông Trinh. Các lá đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện S đều có nội dung xin cấp cho hộ gia đình anh Vinh. Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 17/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện S khẳng định đối tượng được cấp giấy chứng nhận 1.050 m² tại xứ đồng bờ Tuy thuộc thôn Lai Cách, xã N, huyện S là hộ gia đình anh Nguyễn Văn Vinh. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình anh Nguyễn Văn Vinh là hoàn toàn hợp pháp.

Câu hỏi 5 (2.0 điểm):

Anh (chị) có cần tư vấn cho chị Huệ thay đổi yêu cầu khởi kiện không? Vì sao? Nếu có thì cần thay đổi yêu cầu khởi kiện như thế nào?

Tình tiết bổ sung:

Tại phiên tòa, các bên đương sự có mặt đầy đủ giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Câu hỏi 6 (3.0 điểm):

Anh (chị) hãy trình bày nội dung cơ bản của bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho chị Huệ?

(Lưu ý: Học viên không được ghi tên mình trong bản luận cứ)

(Học viên được sử dụng văn bản pháp luật, giáo trình in của HVTP)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI MÔN TRANH TỤNG DÂN SỰ – LỚP CẦN THƠ

Câu hỏi	Nội dung
Câu 1	Xác định các vấn đề cần trao đổi với chị Huệ:
	- Trao đổi xác định quan hệ hôn nhân của chị Huệ và anh Vinh có hợp pháp không? Có giấy chứng nhận kết hôn không?
	- Anh Vinh có để lại di chúc không? Nếu có di chúc thì cần trao đổi xác định tính hợp pháp của di chúc?

	- Ba con chung của anh Vinh, chị Huệ có cháu nào chưa thành niên không? - Diện tích đất nông nghiệp là 1.050m² tại xứ đồng bờ Tuy thuộc thôn Lai Cách, xã N, huyện S có nguồn gốc như thế nào? Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa? Nếu cấp GCNQSDĐ rồi thì ai là chủ sử dụng đất? - Trên diện tích đất tranh chấp có tài sản gì không? Nếu có thì trao đổi xác định rõ tài sản của ai?
Câu 2	Xác định các giấy tờ, tài liệu chị Huệ phải nộp kèm theo đơn khởi kiện: - Các giấy tờ chứng minh quyền khởi kiện của chị Huệ: CMND, sổ hộ khẩu; Giấy kết hôn, Giấy khai sinh của các con và Giấy chứng tử của anh Vinh. - Các giấy tờ chứng minh yêu cầu khởi kiện của chị Huệ là có căn cứ: Giấy tờ về quyền sử dụng diện tích 1.050m² tại xứ đồng bờ Tuy thuộc thôn Lai Cách, xã N, huyện S. - Biên bản hòa giải cơ sở tranh chấp đất đai theo quy định tại Điều 135 Luật Đất đai năm 2003.
Câu 3	Các vấn đề cần chứng minh trong vụ án: - Quan hệ hôn nhân giữa chị Huệ và anh Vinh có hợp pháp không? - Quyền sử dụng diện tích 1.050m² tại xứ đồng bờ Tuy thuộc thôn Lai Cách, xã N, huyện S là tài sản của ai? diện tích đất tranh chấp có phải là tài sản của vợ chồng ông Trinh đổi cho các hộ gia đình khác không? - Diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa, cấp cho cá nhân hay hộ gia đình, nếu cấp cho hộ gia đình thì tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình có những ai? Ông Trinh tự thu tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hợp pháp không? - Trên diện tích đất tranh chấp có tài sản không? Nếu có thì có những tài sản gì, của ai? - Anh Vinh có để lại di chúc không? Nếu có di chúc thì hình thức, nội dung di chúc như thế nào?
Câu 4	Yêu cầu của ông Trinh là yêu cầu phản tố, lý do: - Nguyên đơn yêu cầu đòi quyền sử dụng đất,

- Bị đơn ông Trinh yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất trên tài sản của vợ chồng, đây là yêu cầu về nội dung, yêu cầu này độc lập không cùng với yêu cầu của nguyên đơn, nếu được chấp nhận sẽ dẫn đến loại trừ việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo điểm a, khoản 2 Điều 176 BLTTDS.
--

Câu 5

Cần tư vấn cho chị Huệ thay đổi yêu cầu, lý do:

+ Theo tình tiết vụ án, chị Huệ cho rằng quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp là tài sản của vợ chồng chị Huệ, anh Vinh. Anh Vinh chết năm 2008 nên phần tài sản của anh Vinh trong khối tài sản chung (quyền sử dụng 1.050m² đất nông nghiệp) là di sản thừa kế của anh Vinh, là tài sản của tất cả những người thừa kế. Chị Huệ là người thừa kế của anh Vinh có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Vinh.

+ Thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất bằng yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng diện tích 1.050m² tại xứ đồng bờ Tuy thuộc thôn Lai Cách, xã N, huyện S. Cần tư vấn cho chị Huệ yêu cầu chia cho chị và 03 con chung (do chị Huệ là người đại diện) được hưởng bằng hiện vật và chia gộp vào một khối. → Điểm: 2.0

Câu 6

Nội dung cơ bản của bản luận cứ:

+ Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106, 108, 631, 634, 675, 676 BLDS 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ:

Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cho thấy diện tích đất tranh chấp cấp cho hộ gia đình anh Nguyễn Văn Vinh năm 2004 là đất nông nghiệp, sổ sổ là 874/QSDĐ. Hộ gia đình anh Nguyễn Văn Vinh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm ông Trinh, anh Vinh, chị Huệ. Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 17/6/2014 của UBND huyện S khẳng định đối tượng được cấp GCNQSDĐ 1.050m² tại xứ đồng bờ Tuy là hộ gia đình anh Nguyễn Văn Vinh. Hồ sơ cấp giấy là hoàn toàn hợp pháp.

Vì vậy, xác định quyền sử dụng diện tích 1.050m² tại xứ đồng bờ Tuy thuộc thôn Lai Cách, xã N, huyện S là tài sản chung của anh Vinh, chị Huệ, ông Trinh. Phần tài sản của anh Vinh, chị Huệ, ông Trinh mỗi người được chia là $1.050m^2 : 3 = 350m^2$. Do đó, di sản thừa kế của anh Vinh là 350m².

Hàng thừa kế thứ nhất của anh Vinh bao gồm: ông Trinh, bà Duyên, chị Huệ, cháu Hòa, Thuận, An. Mỗi người thừa kế được hưởng phần thừa kế = $1/6$ diện tích 350m² (là 58,3m²) tại xứ đồng bờ Tuy thuộc thôn Lai Cách, xã N, huyện S.

+ Đề nghị HĐXX chia gộp diện tích đất của chị Huệ và phần chị Huệ, cháu Hòa, Thuận, An được hưởng thừa kế di sản của anh Vinh vào chung một khối. → **Điểm: 2.5**

ĐỀ THI KHÓA 15.1 MN (LỚP B)

Ngày 5/1/2015, đại diện công ty TNHH Thương Mại Trường Linh trình bày với Luật sư: Công ty TNHH Thương Mại Trường Linh (*sau đây gọi là Công ty TL*) và công ty TNHH may xuất khẩu Huy Sơn (*sau đây gọi là Công ty HS*) ký hợp đồng số 10/2013/HĐGC/TL-HS ngày 17/10/2013. Theo đó, Công ty HS nhận may cho Công ty TL 6.000 quần Jean với tổng đơn giá là 1.2000 USD (đã bao gồm 10% thuế VAT) (thanh toán bằng VNĐ). Công ty TL thanh toán sau 15 ngày kể từ khi Công ty HS bàn giao lô hàng cuối cùng. Ngày 11/11/2013, Công ty TL giao cho Công ty HS 98 cây vải nguyên liệu (=1.915,2 yard = 25.021,92 USD) với thỏa thuận ghi rõ:

“Sau khi nhận vải về thì Công ty HS phải cung cấp cho Công ty TL định mức băng vải, Công ty TL đồng ý với băng định mức nêu trên thì bên B mới được tiến hành cắt vải và sản xuất toàn bộ lô hàng.”

Công ty TL chưa giao phụ liệu (nhấn mác, dây kéo, khóa,...) và Công ty HS chưa cung cấp băng định mức nhưng Công ty HS đã tự ý sản xuất toàn bộ lô hàng. Do đó, Công ty TL bị động trong việc tìm đối tác xuất khẩu lô hàng trên. Khi Công ty TL ký được hợp đồng xuất khẩu lô hàng và yêu cầu Công ty HS giao hàng thì Công ty HS lại buộc Công ty TL phải trả trước tiền gia công thì mới cho nhận hàng.

Hai bên đã gặp nhau thương lượng nhiều lần nhưng Công ty HS không chịu giao hàng nên đại diện theo pháp luật của Công ty TL đến văn phòng luật sư nhờ anh (chị) tư vấn khởi kiện và tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TL.

Công ty TL muốn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty HS phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, bàn giao số lượng 3.000 quần Jean đã gia công, số lượng vải thừa và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Công ty TL do chậm giao hàng, yêu cầu phạt 8% tổng giá trị vi phạm của hợp đồng đối với Công ty HS.

Câu hỏi 1 (2.0 điểm):

Anh (chị) cần trao đổi với đại diện của Công ty TL những vấn đề gì?

Tình tiết bổ sung:

Công ty TL có trụ sở chính tại 85 Trần Hưng Đạo, phường 6, Quận Đ, thành phố H.

Công ty HS có trụ sở chính tại 45/1C Phan Huy Ích, phường 5, Quận K, thành phố H.

Công ty HS có xưởng may tại số 4 Nguyễn Văn Chiếu, quận TB, thành phố H. Hai bên ký hợp đồng tại Phòng công chứng số 4 Nhà nước phường 3 Quận 7 thành phố H.

Câu hỏi 2 (1.5 điểm):

Xác định Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án này? Nếu rõ lý do vì sao Anh/chị xác định Tòa án này?

Tình tiết bổ sung:

Qua trao đổi, luật sư xác định được: Sau nhiều lần Công ty TL yêu cầu Công ty HS cung cấp định mức bằng vải, Công ty TL quyết định sản xuất nhưng không thấy Công ty HS phúc đáp lại. Ngày 22/12/2013, Công ty HS có bản báo cáo tiến độ sản xuất lô hàng thì mới kèm theo bảng kế hoạch sản xuất và bảng định mức cho Công ty TL. Lúc này lô hàng đã cơ bản hoàn thành. Mặc dù rất bị động vì Công ty HS bị phá vỡ kế hoạch xuất khẩu hàng hóa, nhưng Công ty TL vẫn cố gắng hợp tác tìm đối tác để xuất khẩu lô hàng trên. Khi ký hợp đồng xuất khẩu với đối tác thì Công ty HS không giao hàng về yêu cầu Công ty TL phải thanh toán tiền gia công thì mới cho nhận hàng dù có tiền đã được chuyển lại hàng đã đem chặt. Công ty TL bị trễ hợp đồng xuất khẩu, bị đối tác nước ngoài hủy hợp đồng và đòi phạt hợp đồng. Ngoài ra, những thiệt hại thực tế phát sinh mà phía Công ty TL phải chịu do sự vi phạm hợp đồng của Công ty HS là: lãi vay ngân hàng để nhập khẩu vải, nguyên liệu; Thiệt hại nộp thuế nhập khẩu cho Hải quan TP. T do đây là lô hàng gia công xuất nhập khẩu, Công ty TL nhập vải về nhưng không xuất hàng đi được.

Câu 3 (1.5 điểm):

Anh (chị) tư vấn cho công ty TL về yêu cầu khởi kiện và giúp công ty TL chuẩn bị hồ sơ khởi kiện (Lưu ý: Học viên không phải soạn thảo đơn khởi kiện)

Tình tiết bổ sung:

Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án. Theo biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải: Ngày 20/10/2013, công ty TL và HS ký phụ lục hợp đồng số 01 về việc sản xuất trước 3.000 quần Jean, thời hạn giao hàng là 20 ngày kể từ thời điểm nhận đủ nguyên liệu.

Để đảm bảo kịp thời thời tiến độ giao hàng đợt 1, công ty HS mua hộ phụ liệu cho công ty TL, do thiếu căn cứ bổ sung và ghi số lượng hàng theo phụ lục hợp đồng số 01 đã được cô Nguyễn Thị Chi – Phó giám đốc công ty TL đồng ý thì công ty HS bàn giao sản phẩm. Sau khi giao hàng, công ty TL không nhận hàng và trả tiền đúng cam kết.

Đến ngày 22/1/2014, công ty HS đã gửi công văn thông báo nêu ngày 24/1/2014 công ty TL không thanh toán hết công nợ thì công ty HS phải thanh lý lô hàng trên để giải quyết khó khăn tài chính. Vào những ngày tiếp theo trong tháng 2/2014, công ty HS đã 02 lần gửi các bằng đối chiếu công nợ (bằng chuyển phát nhanh EMS, fax bằng đường bưu điện và fax của công ty HS) cho công ty TL nhưng không nhận được bất cứ sự phản hồi nào.

Vì thế công ty HS yêu cầu công ty TL phải thanh toán số tiền mua phụ liệu và tiền gia công và không có trách nhiệm phải bồi thường chi phí phát sinh cho công ty TL.

Câu 4 (1.5 điểm):

Xác định trọng tâm vấn đề cần chứng minh trong vụ án?

Câu 5 (1.0 điểm):

Nếu định hướng thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty TL?

Tình tiết bổ sung:

Hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, công ty HS thừa nhận Hợp đồng gia công số 10/2013/HĐGC/TL-HS ngày 17/10/2013 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 20/10/2005 với nội dung như lời trình bày của công ty TL. Hai bên vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

Hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngay sau khi ký Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 20/10/2013, công ty HS đã có bản thông báo định mức cho công ty TL. Tuy nhiên khi chưa có ý kiến của công ty TL, công ty HS đã tiến hành gia công 3.000 quần Jean. Công ty TL không nhận được thông báo về việc công ty HS mua phụ liệu hộ do công ty TL. Trách nhiệm công ty TL giao phụ liệu cho công ty HS chỉ phát sinh khi công ty HS đồng ý về định mức gia công do công ty HS gửi.

Việc công ty TL chậm nhận hàng do chưa tìm được đối tác để ký được hợp đồng xuất khẩu. Nội dung hợp đồng và phụ lục hợp đồng đều chỉ rõ: Công ty TL có trách nhiệm trả tiền sau 20 ngày kể từ ngày công ty HS giao hàng. Hợp đồng không có điều khoản nào quy định công ty HS được quyền thế chấp hàng đã gia công khi công ty TL chậm nhận hàng.

Công ty HS không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh công ty TL đã nhận được văn bản hoặc thông báo nào về yêu cầu trả tiền gia công, tiền mua phụ liệu, thế chấp hàng đã gia công và đồng ý về việc trả tiền và thế chấp này.

Câu 6 (2.5 điểm):

Trên cơ sở tất cả các tình tiết của vụ án, Anh (chị) hãy trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm (Lưu ý: Học viên không ghi tên mình trong bản luận cứ)

(Học viên được sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật và giáo trình in của Học viện Tư pháp)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KHÓA 15.1 MN (LỚP B)

Câu hỏi	Nội dung trả lời
1 (2.0 điểm)	Trao đổi với công ty TL những vấn đề sau trước khi khởi kiện:
	☐ Xác định căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TL với Công ty HS:

	- Xác định tính hợp pháp của hợp đồng gia công hàng hóa số 10/2013/HĐGC/TL-HS ngày 17/10/2013 giữa công ty TL và công ty HS: Chủ thể ký kết? Đối tượng hợp đồng, giá trị, quy cách, mẫu mã hàng gia công? Công ty TL có nghĩa vụ thanh toán sau từng đợt giao hàng hay thanh toán một lần sau khi HS hoàn thành hết các đợt giao hàng? Điều khoản phạt hợp đồng? Thời điểm và điều kiện để công ty HS tiến hành gia công hàng hóa? Thời điểm công ty HS phải giao 3.000 quần Jean? Thỏa thuận về trách nhiệm và nghĩa vụ hoàn trả vải thừa và chi phí, bàn giao phụ liệu? Địa điểm giao hàng? → 0,5 điểm ☐ Trao đổi về quá trình thực hiện hợp đồng giữa công ty TL và công ty HS: - Khối lượng vải công ty HS đã nhận? Biên bản bàn giao vải giữa hai bên? (chủ thể, chất lượng, khối lượng) - Công ty TL có cung cấp phụ liệu cho công ty HS không hay công ty HS tự mua? Số tiền mua phụ liệu? - Công ty HS có bản định mức bảng vải gửi công ty TL không? Thời điểm gửi? Chứng cứ chứng minh? - Số lượng quần Jean công ty TL đã gia công? Mẫu mã, chất lượng hàng hóa có theo đúng quy cách hàng hóa các bên đã thống nhất không? Ý kiến công ty HS về việc công ty TL chậm nhận hàng? - Xác định lý do TL chậm nhận hàng? Căn cứ trả tiền trước mới được nhận hàng do HS đưa ra? - Xác định căn cứ đối với yêu cầu đòi bồi thường và phạt hợp đồng của công ty TL ☐ Trao đổi về các điều kiện khởi kiện: Đương sự, thẩm quyền, chứng cứ chứng minh, nộp tạm ứng án phí,... → 0,5 điểm
2 (1.5 điểm)	Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án: - Tòa án quận Đ, TP. H nếu các bên thỏa thuận, Tòa án nhân dân quận K, TP. H - Yêu cầu tòa án buộc Công ty HS phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, bàn giao số lượng 3.000 quần Jean đã gia công, số lượng vải thừa và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho công ty TL do chậm giao hàng, yêu cầu phạt 8% tổng giá trị vi phạm của hợp đồng đối với công ty HS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 BLTTDS 2011 → 0.25 điểm - Giải thích theo dữ kiện tranh chấp không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc ủy thác tư pháp. Xác định thuộc thẩm quyền của tòa án cấp huyện căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 33 BLTTDS sửa đổi. →

3 (1.5 điểm)	0.25 điểm
	- Xác định tòa án nơi bị đơn có trụ sở hoặc nơi nguyên đơn có trụ sở nếu có thỏa thuận theo tình tiết và căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35 BLTTDS sửa đổi. → 0.25 điểm
	- Trường hợp các bên chưa tiến hành giao hàng, trả tiền, đề bài không đưa ra thời điểm và địa điểm thực hiện hợp đồng nên không xác định được Tòa án nơi thực hiện hợp đồng theo khoản 1 Điều 36 BLTTDS sửa đổi. → 0.25 điểm
	Tư vấn yêu cầu khởi kiện:
	- Buộc công ty HS tiếp tục thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo đúng cam kết đã thỏa thuận (giải thích theo tình tiết vụ án chứng minh công ty HS vi phạm nghĩa vụ giao hàng) → 0.75 điểm
	- Buộc công ty HS bồi thường chi phí phát sinh từ việc trì gia công hàng hóa khi chưa có sự đồng ý của công ty TL, chậm thực hiện nghĩa vụ giao hàng (số bồi thường bao gồm đối tác, lãi tại ngân hàng, thuế Hải quan vì lô hàng chậm xuất khẩu, các chi phí khác...) và giao lại vải thừa → 0.75 điểm
	- Phạt 8% giá trị vi phạm của hợp đồng đối với công ty HS
	→ Chưa đủ hồ sơ khởi kiện

Câu 4 (1,5 điểm)

Trọng tâm vấn đề cần chứng minh:

Phát sinh hiệu lực pháp luật phụ lục hợp đồng số 01 ngày 20/10/2013 giữa công ty TL và HS (*chủ thể ký, điều kiện, thời điểm công ty HS gia công hàng hóa, trách nhiệm giao phụ liệu của công ty TL, thỏa thuận về giao hàng và thanh toán tiền hàng*) → **0,25đ**

Công ty TL đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng: giao vải theo đúng quy định, sẽ giao phụ liệu sau khi công ty HS giao bản định mức, và công ty TL gửi văn bản đồng ý với bản định mức đó, khi nhận hàng, sau 20 ngày sẽ giao tiền cho công ty HS. Sẽ giao tiền sau 20 ngày đã giao hàng và công ty TL thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng. Lỗi chậm nhận hàng của công ty TL xuất phát từ việc vi phạm hợp đồng của công ty HS. → **0,75đ**

Công ty HS đã vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng: Chứng minh công ty HS đã tự gia công hàng hóa không có sự đồng ý của công ty TL; Chứng minh công ty HS đã tự mua phụ liệu không có sự đồng ý của TL; Chứng minh công ty HS đã giao bản định mức sau thời điểm tiến hành gia công hàng hóa.

Chứng minh công ty TL không đồng ý chi trả số tiền mua nguyên phụ liệu như công ty HS trình bày và công ty TL và HS không có thỏa thuận cho phép công ty HS thanh lý hàng hóa khi công ty không giao tiền và không nhận được bằng đối chiếu công nợ và yêu cầu trả tiền của công ty HS.

Câu 5 (1.0 điểm)**Định hướng thu thập chứng cứ:**

Xác định rõ mục đích chứng minh đã nêu tại câu 3, sử dụng các biện pháp thu thập chứng cứ để chứng minh vấn đề trọng tâm cần chứng minh nêu trên → **0,75đ**

Đề xuất Tòa án tiến hành một số hoạt động thu thập chứng cứ: đối chất giữa các đương sự, lấy lời khai của người làm chứng, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản → **0,25đ**

Câu 6 (2,5 điểm)**Nội dung của bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm:**

Chứng minh hợp đồng mua bán hàng hóa số hợp đồng gia công hàng hóa số 10/2013/HĐGC/TL-HS và phụ lục hợp đồng số 01 giữa công ty TL và công ty HS phát sinh hiệu lực pháp lý (*giải thích theo câu 1, 4, 5 và lời thừa nhận của các bên theo tình tiết vụ án*)

Chứng minh việc công ty TL đã thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng (*giải thích theo câu 1, 4, 5 và giải thích theo tình tiết vụ án*). Công ty TL chậm nhận hàng do phải khắc phục hậu quả mà công ty HS đã vi phạm hợp đồng gây ra (*tìm đối tác xuất khẩu hàng công ty HS đã tự ý gia công*) Chứng minh

công ty HS đã vi phạm điều khoản gia công hàng hóa (*giải thích theo câu 1, 4, 5 và tự chịu trách nhiệm về mua phụ liệu khi chưa được công ty TL đồng ý*)

Chứng minh các thiệt hại phát sinh cho công ty TL do việc vi phạm hợp đồng của công ty HS (*giải thích theo câu 1, 3, 4, 5*) và các bên có thỏa thuận về phạt 8% giá trị vi phạm hợp đồng.

Phần kiến nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 550, Khoản 3, Khoản 6 Điều 551, Điều 558 BLDS, Điều 300, 301, 302, 303 Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. → **2,5đ**

ĐỀ THI HỌC PHẦN LỚP ĐT NGHIỆP VỤ LUẬT SƯ TẠI TP. HCM

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/03/2012 của bà Lê Thị Nga tới TAND quận Bình Thạnh, TP. H: Bà và ông Phan Văn Ân chung sống từ năm 1978 tại nhà số 52 phố H, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. H không đăng ký kết hôn. Thời điểm này ông Ân đang có vợ hợp pháp là bà Trần Mai Hồng. Quá trình chung sống, bà và ông Ân có chung bốn người con là anh Trung, anh Lã, anh Thành và anh Sơn. Bà Hồng và ông Ân chung sống không có con chung nên nhận chị Phan Kim Anh làm con nuôi.

Năm 1980, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà đã đưa bốn người con về quận 12, TP. H sinh sống. Ngày 01/01/2010, ông Ân mất, một tháng sau bà Hồng cũng mất. Ông Ân mất để lại di sản là căn nhà trên. Tháng 3 năm 2010, bà có yêu cầu chị Kim Anh chia di sản căn nhà trên nhưng chị Kim Anh không đồng ý, vì khi chị Kim Anh làm văn bản kê khai nhận di sản thừa kế, bà đã khiếu nại chị Kim Anh ra UBND phường 7, quận Bình Thạnh. Tại UBND phường chị Anh cho rằng trước khi mất ông Ân và bà Hồng đã lập di chúc để lại căn nhà trên cho chị Anh được toàn quyền sở hữu nên chị Anh không đồng ý chia. Bà nhận thấy bà là vợ hợp pháp của ông Ân, sống chung có bốn người con và chưa ly hôn ông Ân, nên ông Ân có để lại di chúc thì bà vẫn được hưởng thừa kế bắt buộc trong căn nhà này. Mặt khác, di chúc lập ngày 16/3/2006 do chị Anh xuất trình có chữ ký tươi và chữ viết của ông Ân trong khi ông Ân không biết chữ và không có dấu lấn tay, không có giấy chứng nhận của bác sĩ và cũng không có người làm chứng, thời điểm này ông Ân đã 85 tuổi và không còn minh mẫn sáng suốt nên di chúc này không được xác định là chứng cứ. Do đó, bà khởi kiện đề nghị chị Kim Anh phải chia cho bà và các con một phần di sản căn nhà trên do ông Ân để lại.

Theo lời trình bày của bị đơn – chị Kim Anh: Căn nhà số 52 phố H, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. H là do cha mẹ nuôi của bà là ông Ân và bà Hồng tạo lập, bà là người con nuôi duy nhất nên được ông Ân và bà Hồng để lại di chúc cho căn nhà này. Di chúc được lập tại phòng công chứng ngày 16/3/2008. Nay, bà Ân và các con của bà Ân yêu cầu chị chia di sản thừa kế căn nhà này thì không đồng ý. Chị đề nghị Tòa xét xử theo quy định của pháp luật. Giả sử chị Kim Anh nhờ anh (chị) tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Kim Anh.

Câu hỏi 1 (1,5 điểm):

Anh (chị) cần trao đổi với chị Kim Anh vấn đề gì?

Câu hỏi 2 (1,5 điểm):

Theo đơn chị Kim Anh, xuất trình có được xác định là chứng cứ không?

Tình tiết bổ sung:

Qua trao đổi với chị Kim Anh và nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu anh (chị) xác định được: Theo trích lục bộ hôn thú số hiệu 1.090 của xã An Phú Đông, Tỉnh Gia Định, Việt Nam Cộng Hòa năm 1970, ông Ân và bà Hồng là vợ chồng. Ngày 15/4/1993 UBND quận Bình Thạnh, TP. H đã cấp giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 1789/GP-UB ngày 15/4/1993, thể hiện căn nhà số 52 phố H, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. H thuộc quyền

sở hữu của ông Ân và bà Hồng. Ngày 17/4/1993, ông Ân đã lập thủ tục chuyển đổi tài sản nhà ở trước bạ căn nhà trên.

Ngày 16/3/2008, ông Ân và bà Hồng đã đến Phòng Công chứng G, TP. H lập di chúc để lại tài sản là căn nhà trên cho chị Kim Anh thừa kế. Ngày 01/01/2010, ông Ân chết. Ngày 19/2/2010, bà Hồng mất. Ngày 04/6/2010, chị Kim Anh đã lập thủ tục kê khai nộp lệ phí trước bạ di sản thừa kế căn nhà này. Theo giấy khai sinh của chị Kim Anh thì ghi tên ông Ân, bà Cẩm là cha mẹ đẻ.

Bốn người con chung của bà Nga với ông Ân là anh Trung, anh Lã, anh Thành và anh Sơn đều đã thành niên và đều có khả năng lao động.

Câu hỏi 3: (1,5 điểm) Anh (chị) tư vấn cho chị Kim Anh trình bày văn bản ghi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn?

Tình tiết bổ sung:

Bà Nga cho rằng bà chung sống với ông Ân từ năm 1978 tại căn nhà số 52 phố H, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. H, có bốn con chung, mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng bà chung sống trước ngày 03/01/1987 và vẫn chung sống chưa ly hôn ông, do đó bà phải là vợ chính thức của ông Ân chết thì vẫn được Nhà nước công nhận là vợ chồng, do đó bà là tài sản riêng của ông Ân nên ông Ân có lập di chúc để lại cho chị Kim Anh thì bà vẫn được hưởng một phần thừa kế bắt buộc trong di sản này. Di chúc ngày 16/3/2008 do chị Kim Anh xuất trình là do chị Kim Anh ép buộc ông Ân lập di chúc, không phải là sự tự nguyện của ông Ân vì ông Ân đã lớn tuổi.

Hồ sơ vụ án thể hiện lời trình bày của anh Trung, anh Lã, anh Thành, anh Sơn: căn nhà số 52 phố H, phường 7 thuộc quyền sở hữu của ông Phan Văn Ân là cha ruột. Ông Ân chết, nên với tư cách là các con trai, các anh phải được hưởng thừa kế.

Lời trình bày của anh Phước: Anh là chồng của chị Kim Anh. Chị Kim Anh đã được cha mẹ nuôi là ông Phan Văn Ân và bà Võ Thị Cẩm lập di chúc để lại căn nhà số 52 phố H cho trọn quyền sở hữu. Quá trình ở, anh đã cùng chị Kim Anh lo tiền ra xây dựng căn nhà này nên mới được như ngày hôm nay. Nay, bà Nga cùng các con khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế căn nhà này ông không đồng ý và đề nghị Tòa xét xử theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 4: (1,5 điểm) Xác định trọng tâm vấn đề cần chứng minh trong vụ án?

Câu hỏi 5: (1,5 điểm) Xác định diện và hàng thừa kế trong vụ án. Anh (chị) xác định tư cách đương sự trong vụ án?

Tình tiết bổ sung:

Hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình. Kết quả hỏi tại phiên tòa xác định được bản di chúc do ông Ân và bà Hồng lập ngày 16/3/2008 tại Phòng Công chứng G, TP. H: di chúc được đánh máy chữ, có chữ ký của người lập di chúc là ông Ân và bà Hồng, công chứng viên cũng chứng nhận ông Ân và bà Hồng lập di chúc và ký trước mặt công chứng viên và đã được công chứng viên kiểm tra năng lực hành vi. Chị Kim Anh

xuất trình giấy chứng nhận sức khỏe của phòng khám đa khoa quận Bình Thạnh ngày 14/3/2008 kết luận ông Ân tâm thần bình thường. Bà Nga ngoài lời khai không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào chứng minh ông Ân không còn minh mẫn.

Bà Nga và các con bà Nga không có đóng góp công sức gì vào khối di sản. Kết quả định giá của Hội đồng định giá xác định tổng giá trị di sản thừa kế là 5,7 tỷ đồng. Các bên đương sự nhất trí với quyết định của Hội đồng định giá.

Câu hỏi 6: (2,5 điểm) Trên cơ sở tất cả các tình tiết của vụ án, anh (chị) hãy trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho chị Kim Anh tại phiên tòa sơ thẩm?
(Lưu ý: Học viên không ghi tên mình trong bản luận cứ)

(Học viên được sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật, Giáo trình in của Học viện Tư pháp)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC PHẦN LỚP ĐT NGHIỆP VỤ LUẬT SƯ TẠI TP. HCM

Câu 1 (1,5đ) Những vấn đề cần trao đổi với chị Kim Anh

+ Trao đổi về tính hợp pháp của di chúc lập ngày 16/03/2008:

Xác định các giấy tờ chứng minh sở hữu của ông Ân và bà Hồng đối với căn nhà số 52 phố H, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. H;

Di sản thừa kế: Ngoài căn nhà 52 phố H thì còn di sản nào không? Ai đang quản lý di sản này? Có công sức duy trì, tôn tạo phát triển di sản của ai không? Vợ chồng ông Ân, bà Hồng có nghĩa vụ với ai chưa thực hiện không?

+ Nội dung di chúc để lại cho ông Ân, bà Hồng:

Ông Ân có biết chữ không? Chữ viết và chữ ký của ông Ân trên bản di chúc có đúng như bà Nga trình bày không?

Hình thức của di chúc là di chúc được công chứng?

+ Trao đổi về diện và hàng thừa kế, người hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc: Cần xác định người con là anh Trung, anh Lã, anh Thành và anh Sơn là con chung của ông Ân và bà Nga; những người con này có là người được hưởng di sản thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc không? Xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Ân và bà Nga

Câu 2 (1,5đ) Di chúc do chị Kim Anh xuất trình được xác định là chứng cứ:

Theo nội dung tình tiết, di chúc lập ngày 16/3/2008 do chị Kim Anh xuất trình có chữ ký và chữ viết của ông Ân, là tài liệu được xác định nội dung – bản chính;

Giải thích theo quy định tại khoản 1 Điều 83 BLTTDS

Câu 3 (1,5đ) Trình bày văn bản ghi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Về hình thức: Văn bản trình bày ý kiến được gửi tới TAND quận Bình Thạnh, TP. H, đảm bảo theo yêu cầu được quy định tại Điều 175 BLTTDS về quyền, nghĩa vụ được trình bày bảo vệ.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án công nhận di chúc lập ngày 16/03/2008 là di chúc có hiệu lực, chia di sản thừa kế theo di chúc;

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nga và ông Ân không được công nhận là quan hệ vợ chồng, không có việc đóng góp tài sản chung giữa bà Nga và ông Ân;

Bốn người con chung của bà Nga với ông Ân là anh Trung, anh Lã, anh Thành và anh Sơn đều đã thành niên và đều có khả năng lao động nên không phải là người được hưởng di sản thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc;

Chứng cứ gửi kèm theo văn bản ghi ý kiến: trình bày theo dữ kiện của tình tiết bổ sung.

Câu 4 (1,5đ) Xác định trọng tâm vấn đề cần chứng minh trong vụ án:

Di chúc hợp pháp: Tài sản định đoạt trong di chúc là tài sản của ông Ân, bà Hồng. Di chúc được lập tự nguyện trong tình trạng minh mẫn sáng suốt, đảm bảo điều kiện có hiệu lực của di chúc nội dung và di chúc được công chứng hợp pháp.

Bà Nga không được công nhận quan hệ vợ chồng với ông Ân. Anh Trung, anh Lã, anh Thành và anh Sơn không phải là người được hưởng di sản thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc;

Bà Nga và các con bà Nga không có công sức duy trì, tôn tạo và phát triển khối di sản thừa kế.

Câu 5 Xác định diện và hàng thừa kế trong vụ án:

Hàng thừa kế ông Ân: Anh Trung, anh Lã, anh Thành và anh Sơn, chị Kim Anh, (bố mẹ ông Ân – nếu còn sống) | 0,75 |

Câu 5 (1,5đ) - Hàng thừa kế của bà Hồng: Chị Kim Anh

Giải thích theo tình tiết vụ án và quy định tại Điều 635 về người thừa kế, 676 người thừa kế theo pháp luật của BLDS.

Xác định tư cách đương sự trong vụ án:

Xác định đúng tư cách đương sự: Nguyên đơn: bà Nga, bị đơn: Chị Kim Anh; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trung, anh Lã, anh Thành và anh Sơn, anh Phước (là cha mẹ của ông Ân, bà Hồng nếu các cụ còn sống).

Giải thích theo tình tiết vụ án và quy định tại Điều 56 BLTTD

Câu 6 (2,5đ) | Nội dung bản luận cứ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị Kim Anh tại phiên tòa sơ thẩm

Về phần mở đầu: Giới thiệu tư cách luật sư, tư cách tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án “Thừa kế”

Phần nội dung:

Chứng minh quan hệ giữa bà Nga và ông Ân không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Bà Nga chung sống với ông Ân trong khi ông Ân đang tồn tại hôn nhân hợp pháp với bà Hồng. Vì vậy bà Nga không thể coi là vợ hợp pháp của ông Ân để hưởng thừa kế phần di sản do ông Ân để lại.

Bản di chúc do ông Ân và bà Hồng lập ngày 16/03/2008 là di chúc hợp pháp. Di chúc được đánh máy chữ, có chữ ký của người lập di chúc là ông Ân và bà Hồng, công chứng viên cùng chứng nhận ông Ân và bà Hồng lập di chúc và ký trước mặt công chứng viên và đã được công chứng viên kiểm tra năng lực hành vi. Chị Kim Anh xuất trình giấy chứng nhận sức khỏe của phòng khám đa khoa quận Bình Thạnh ngày 14/3/2008 kết luận Ông Ân tâm thần bình thường. Bà Nga ngoài lời khai không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào chứng minh ông Ân không còn minh mẫn.

Bà Nga và các con bà Nga không có đóng góp công sức gì vào khối di sản và không phải là những người được hưởng di sản thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc.

Phần kiến nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 652 “di chúc hợp pháp”, 658 “thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng”, Điều 674, 675, 678, 669 của Bộ luật dân sự năm 2005 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nga, công nhận di chúc và chia di sản thừa kế theo di chúc cho chị Kim Anh. | 2,5 |

ĐỀ THI Lớp C-D

Năm 1985 ông Nguyễn Văn Xoài (sinh 1956) và bà Trần Thị Me (sinh 1962) chung sống vợ chồng với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. (Trước đó ông Xoài đã ly hôn vợ, bà Me đã có chồng và một con gái sinh năm 1981. Chồng bà Me chết năm 1983). Năm 1972 ông Xoài được ông Bản (ông nội ông Xoài) cho 3.000m² đất tại ấp 1, xã Tam Nông, huyện B, tỉnh H. Năm 1986 ông Xoài đổi diện tích đất trên cho Ủy ban nhân dân xã Tam Nông, huyện B làm địa điểm xây trụ sở để lấy 4.000m² tại ấp 3 cùng xã. Năm 1993: Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 200m² thổ cư và 3.800m² đất vườn cho hộ ông Xoài trên diện tích 4.000m² đất nói trên. Năm 1995 ông Xoài và bà Me cất nhà tường gạch, mái tôn, nền gạch bông diện tích 60m² trên phần thổ cư của mảnh đất 4.000m² để ở, nhưng mẹ con bà Me không chuyển hộ khẩu về địa chỉ nhà này.

Do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm không giải quyết được nên ngày 27 tháng 2 năm 2012 bà Me làm đơn xin ly hôn ông Xoài. Về tài sản bà Me yêu cầu được chia 1/2 đất và nhà chung với ông Xoài vì khi bà về chung sống vợ chồng thì bà và ông Xoài cùng ra chính quyền xin đổi đất cũ từ 3.000m² lấy đất mới 4.000m² và đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư và đất vườn cho hộ ông bà. Căn nhà 60m² do công sức hai vợ chồng tạo dựng nên.

Câu hỏi 1. Bà Me nhờ anh, chị làm luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Anh, chị tiếp xúc và trao đổi với bà Me về những vấn đề gì và các thủ tục cần thiết nào để bà có thể khởi kiện ra tòa án? (1,5 điểm).

Câu hỏi 2. Bà Me cần phải nộp cho tòa án những tài liệu gì trong hồ sơ khởi kiện và nộp cho Tòa án nào để có thể được thụ lý giải quyết vụ án? (1 điểm).

Tình tiết bổ sung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Xoài khai nại: Toàn bộ đất ông có như ngày nay là từ 3.000m² ông nội ông cho ban đầu vào năm 1972 theo “Tờ cho đất cháu đích tôn” do chính tay ông nội ông viết (không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền) và ông đã nhận, sử dụng diện tích đất này cho đến khi ẩn ở với bà Me và đổi thành 4.000m² ở vị trí ra mặt đường lộ theo vận động của Ủy ban xã Tam Nông. Chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho hộ một mình ông đứng tên, bà Me và con riêng của bà ở chung nhà nhưng không có tên đăng ký trong hộ khẩu của ông. Còn nhà là do ông bỏ toàn bộ tiền mua vật liệu và nhờ em ruột và con cháu trong gia đình xây dựng, bà Me không có đóng góp gì. Ông đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý chia đất, nhà cho bà Me.

Câu hỏi 3. Để bảo vệ yêu cầu chia 1/2 đất, nhà của bà Me với ông Xoài, anh, chị cần thông báo cho bà Me cung cấp và thu thập những tài liệu, chứng cứ gì? (1 điểm).

Tình tiết bổ sung:

Tòa án triệu tập các đương sự đến trụ sở dự phiên xét xử vụ án vào 7 giờ 30 phút ngày 01 tháng 8 năm 2012, ông Xoài, Luật sư của ông Xoài; anh, chị là Luật sư của bà

Me có mặt nhưng bà Me vắng mặt nên tòa án hoãn phiên xử. Tòa án giao giấy triệu tập mở phiên xử tiếp vào 14 giờ ngày 16 tháng 8 năm 2012 nhưng vào ngày giờ đó anh, chị bận tham gia một phiên tòa vụ án hình sự tại tòa án địa phương khác bảo vệ cho bị cáo là người vị thành niên nên yêu cầu của tòa án.

Câu hỏi 4. Anh chị sẽ ứng xử như thế nào để đảm bảo việc bảo vệ quyền lợi cho khách hàng và kế hoạch xét xử của tòa án vụ tranh chấp của bà Me? Theo anh, chị có cơ sở để Luật sư của bà Me xin hoãn phiên tòa trên không? Tại sao? (1 điểm).

Câu hỏi 5. Anh, chị hãy xác định các tình tiết trọng tâm và những biên bản kèm theo để chứng minh làm rõ các tình tiết ấy, nhằm bảo vệ yêu cầu của bà Me được chia 1/2 đất, nhà với ông Xoài? (1,5 điểm).

Câu hỏi 6. Nêu những luận điểm cơ bản và căn cứ pháp luật trong bản luận cứ bảo vệ quyền lợi của bà Me đối với đất, nhà trong vụ ly hôn này (không nêu họ tên thật của học viên luật sư K.13.MN, lớp C-D trong luận cứ) (1,5 điểm).

Tình tiết bổ sung:

Tòa sơ thẩm xét xử quyết định cho bà Me ly hôn ông Xoài; bác yêu cầu của bà Me xin chia nhận 1/2 đất, nhà với ông Xoài tại ấp 3, xã Tam Nông, huyện B, tỉnh H (bản án số 36/2012/DSST, 31/8/2012).

Câu 7. Bà Me muốn kháng cáo phần quyết định về chia tài sản của bản án trên và yêu cầu luật sư có trách nhiệm viết đơn kháng và làm các thủ tục về kháng cáo cho bà. Đã là luật sư của bà Me tại tòa án cấp sơ thẩm, anh, chị cần ứng xử như thế nào trong tình huống này (1 điểm).

Câu hỏi 8. Anh, chị sẽ nêu những nội dung gì trong đơn kháng cáo viết dùm theo yêu cầu của bà Me? (1,5 điểm).

(Học viên được sử dụng văn bản pháp luật khi làm bài)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI LỚP C-D

Câu hỏi	Nội dung trả lời	Điểm
Câu 1 (1,5đ)	- Xác nhận nội dung yêu cầu khởi kiện: ly hôn, đề nghị chia tài sản.	0.5
	- Các điều kiện khởi kiện: tính hợp pháp của đơn khởi kiện (theo pháp luật từng thời kỳ); tư cách nguyên đơn; biên điểm mẫu thuận CP; chứng: Tòa án có thẩm quyền; về việc tạm ứng án phí; chuẩn bị tài liệu, chứng cứ...	0.5
	- Soạn thảo đơn khởi kiện (theo mẫu NQ.02/2005 HĐTP TANDTC) và xác định nội dung chính cần nêu trong đơn...	0.5

Câu 2 (1đ)	- Giấy tờ: Chứng minh nhân thân (CMND, Hộ khẩu); Tư liệu về hôn nhân với ông Xoài (GCKNH, hoặc chứng cứ về quan hệ hôn nhân, chung sống như vợ chồng...); Giấy tờ về đất – nhà tranh chấp: Các tài liệu chứng cứ liên quan. Đơn khởi kiện...(k.1, Đ.6; đ.b, k.2, Đ.58; Đ.165 BLTTDS...)	1.0
Câu 3 (1đ)	- Giấy tờ về nhà-đất tranh chấp: Các chứng cứ chứng minh quá trình bà Me chung sống với chồng và quản lý, sử dụng đất, tạo lập nhà với ông Xoài: Chứng cứ về việc ông Xoài nhập-đất-nhà làm tài sản chung của vợ chồng... (k.1, Đ.6; đ.b, k.2. Đ.58 BLTTDS)	1.0
Câu 4 (1đ)	- Phương án 1: Thông nhất với bà Me gửi bản luận cứ đến HĐXX và đơn yêu cầu được xử vắng mặt L.sư	0.5
	- Phương án 2: LS làm đơn v/v tham gia phiên tòa theo yêu cầu của tòa án là tr.hợp bất khả kháng để xin hoãn phiên tòa (k.2, Đ.199 BLTTDS). Tòa án có thể xem xét cho hoãn phiên xử 16.8.2012.	0.5
Câu 5 (1,5đ)	- Các tình tiết: <i>Thời gian kết hôn và tình hợp pháp của q.he hôn nhân</i> (chú ý: thời điểm áp dụng Luật HN-GĐ 1959, 1987 và 2000): bị chú ý của ông Xoài trong việc nhập đất-nhà làm tài sản chung vợ chồng; →Quá trình quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản t.chấp; →Quá trình chung sống và đóng góp thực tế của bà Me vào khối tài sản t.chấp;	1.5
	- Biện pháp: Thu thập, xuất trình tài liệu chứng cứ (giấy tờ, lời khai của thân nhân và của người làm chứng, xác nhận của địa phương...) chứng nhận quan hệ hôn nhân và tài sản tranh chấp.	
Câu 6 (1,5đ)	- Q.he hôn nhân của bà Me với ông Xoài không có đăng ký: được coi là “hôn nhân thực tế” tại thời điểm chung sống vợ chồng với nhau.	1.5
	- Đề nghị xét xử cho ly hôn theo yêu cầu của ng.đơn: *Con chung: không có; Về tài sản chung: đất-nhà tại ấp 3, xã Tam Nông, huyện B, tỉnh H do ông nội cho riêng ông Xoài năm 1972, nhưng năm 1985 ông Xoài sống chung với bà Me (Đ.15 Luật HN-GĐ 1959) đây là tài sản chung của vợ chồng; *Năm 1986: 3.000m2 đất là tài sản chung được đổi thừa, 4.000m2 và nhà gạch cát năm 1995 trong thời kỳ hôn nhân để là tài sản vợ chồng. *Đề nghị chia toàn bộ tài sản đất, nhà trên cho bà Me, ông Xoài mỗi người 1/2. ai nhận hiện vật thì hoàn giá trị cho người kia...	
Câu 7	- Luật sư giúp bà Me làm đơn kh. cáo, lập hồ sơ và thực hiện	1

(1đ)	các thủ tục kháng cáo nếu Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký có quy định.	
	- Nếu HĐ dịch vụ pháp lý đã ký giữa Luật sư và bà Me không qui định trách nhiệm này thì Luật sư có thể làm hợp đồng mới hoặc giúp đỡ bà Me về thủ tục và đơn kháng cáo...	
Câu 8 (1,5đ)	- Đơn kháng cáo theo mẫu tại NQ.05/2006 HĐTP TANDTC; Căn cứ pháp luật: Đ.243, 244, 245 BLTTDS:	1.5
	- Nội dung chính: *Không đồng ý phân giải quyết tài sản của bản án sơ thẩm số 36/TS-DS 31.8.2012: “Quan hệ hôn nhân được công nhận là hợp pháp theo tinh thần Luật HN-GĐ 1959, theo đó để đảm bảo quyền lợi hợp pháp được nhận là tài sản chung của vợ chồng. Tòa sơ thẩm cho ly hôn nhưng bác yêu cầu chia tài sản của bà Me là không đúng pháp luật”; *Yêu cầu tòa phúc thẩm xét xử lại và chia cho nguyên đơn 1/2 đất nhà tài sản vợ chồng.	

HỌC VIỆN TƯ PHÁP**ĐỀ THI TỐT NGHIỆP LỚP ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ LUẬT SƯ (HỆ NIÊN CHẾ)****Môn thi: Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ, việc dân sự – Phần thi vấn đáp****Thời gian làm bài: 180 phút****Thi ngày 23/6/2019****Ngày 10/8/2018, ông Nguyễn Đức Khánh trình bày với Anh/Chị:**

Ngày 15/5/2013, ông Khánh và Công ty H ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) có thời hạn 36 tháng với công việc là nhân viên bảo vệ, tiền lương theo hợp đồng là 3.828.750 đồng/tháng, thời gian làm việc theo ca. Trong thời gian làm việc tại Công ty H, ông Khánh luôn hoàn thành công việc được giao, không hề xảy ra sai phạm làm thiệt hại hay ảnh hưởng đến Công ty H. Ngày 29/8/2017, ông Khánh nhận được Quyết định số 52/QĐ về việc kỷ luật sa thải người lao động. Theo đó, Công ty H sa thải ông Khánh với lý do: **“Có hành vi đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của Công ty”**.

Cho rằng Quyết định kỷ luật sa thải số 52/QĐ là trái pháp luật, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, gây thiệt hại về kinh tế và xâm phạm đến quyền lợi chính đáng, hợp pháp của mình, ông Khánh muốn khởi kiện vụ tranh chấp đến Tòa án có thẩm quyền.

Ông Khánh đề nghị Anh/Chị tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Khánh.

Câu hỏi 1 (2.0 điểm):**Anh/Chị cần làm rõ thêm nội dung gì sau khi nghe ông Khánh trình bày sự việc?*****Tình tiết bổ sung:***

Khi trao đổi với Luật sư, ông Khánh cho biết: Trong quá trình làm việc tại Công ty H, HĐLĐ giữa ông và Công ty H đã qua nhiều lần điều chỉnh, tiền lương thực tế được nhận trong 07 tháng đầu năm 2017 là 8.800.000 đồng/tháng.

Ông Khánh không muốn trở lại làm việc tại Công ty H. Ông chỉ muốn Tòa án:

(i) Tuyên Quyết định số 52/QĐ ngày 29/8/2017 của Công ty H là trái pháp luật và buộc Công ty H phải hủy bỏ quyết định này;

(ii) buộc Công ty H phải thanh toán cho ông tiền lương, tiền BHXH, BHYT những ngày không được làm việc;

(iii) buộc Công ty H phải thanh toán cho ông Khánh trợ cấp thôi việc cho thời gian đã làm việc tại Công ty;

(iv) buộc Công ty H phải thanh toán cho ông Khánh tiền lương tháng 8 mà Công ty còn chưa thanh toán cho ông.

Câu hỏi 2 (1.5 điểm):

Tranh chấp giữa ông Khánh và Công ty H có bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải tại Hòa giải viên lao động trước khi khởi kiện không? Vì sao?

Câu hỏi 3 (1.0 điểm):

Yêu cầu đòi thanh toán trợ cấp thôi việc của ông Khánh được Tòa án chấp nhận trong trường hợp nào?

Tình tiết bổ sung:

Tòa án có thẩm quyền thụ lý vụ án ngày 22/8/2018, trong Công văn trả lời Tòa án, bị đơn trình bày: Công ty H xác nhận Công ty có ký HĐLĐ có thời hạn 36 tháng với ông Khánh từ ngày 15/5/2013. Đến năm 2017, mức lương cơ bản ông Khánh được hưởng là 6.262.000 đồng.

ĐỀ THI HỌC PHẦN MÔN KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ**Lớp D, E – Đào tạo nghiệp vụ Luật sư Khóa 19.2; thi ngày 05/01/2019****Thời gian: 150 phút**

Ngày 14/02/2018, bà Phạm Thu An đến Văn phòng Luật sư gặp anh (chị) và trình bày: Căn nhà số 16–18 đường 18 phường HB, Quận TD, TP.H có diện tích 143m² (13m × 11m), gồm 1 trệt, 1 lầu thuộc quyền sở hữu của bà theo giấy tờ mua bán nhà ngày 15.04.1994 giữa bà An và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mãng và ông Nguyễn Văn Công (có nhân chứng chứng thực và đã trước bạ, sang tên). Năm 1997, bà xuất cảnh sang Thụy Điển. Căn nhà trên – bây giờ, theo chồng bà – là ông **Trần Văn Lân** quản lý, sử dụng.

Trong thời gian quản lý nhà, vào năm 1999, ông Lân có cho bà Mai Thị Đào vào ở nhà và sau đó, ông Lân có quan hệ hôn nhân trái pháp luật với bà Đào. Sau khi ông Lân chết vào ngày 20.8.2011, bà có lập hợp đồng ủy quyền quản lý nhà ngày 24.12.2011 cho bà Đào được tiếp tục quản lý, sử dụng nhà số 16–18 đường 18 suốt đời (không xác định thời hạn ủy quyền), với điều kiện là mọi sự thay đổi về cấu trúc nhà phải có ý kiến của người ủy quyền, không được thế chấp, cầm cố, cho thuê hoặc chuyển quyền sở hữu dưới bất kỳ hình thức nào. Tuy nhiên, trong thời gian quản lý nhà, bà Đào tự ý cho thuê người khác thuê toàn bộ phần nhà mặt tiền phía trước mà không có ý kiến của bà. Ngoài ra, vào năm 2016, khi về Việt Nam, bà bị bà Đào đuổi ra khỏi nhà, cho người đe dọa buộc bà phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Đầu năm 2017, bà có chính thức yêu cầu bà Đào phải chấm dứt việc cho người khác thuê nhà. Bà Đào không những không hợp tác mà còn thách thức, yêu cầu bà An phải chia cho bà ½ giá trị căn nhà (là phần di sản thừa kế của ông Lân), và bà Đào cho rằng bà mới là vợ hợp pháp của ông Lân. Nay, bà An yêu cầu Tòa án buộc bà Đào trả nhà, chấm dứt hợp đồng ủy quyền trước đây.

Bà An **đề nghị anh (chị)** là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Câu 1:

Anh (chị) hãy xác định những nội dung cần phải làm rõ khi tiếp xúc với bà An?

Câu 2:

Nếu ý kiến của anh (chị) về điều kiện khởi kiện của bà An? Anh (chị) hãy xác định các giấy tờ cần thiết mà bà An phải nộp kèm theo đơn khởi kiện?

Tình tiết bổ sung:

Tòa án có thẩm quyền đã tiến hành thụ lý vụ án.

Tại bản tự khai ngày 15.4.2018, bà An có lời khai như sau: Bà An và ông Lân có làm đám cưới và về chung sống với nhau vào năm 1985 (không có đăng ký kết hôn). Năm 1986, ông bà có sinh được người con trai duy nhất là anh Trần Anh Tú (anh Tú bị bệnh và mất năm 1988). Trước khi bà vượt biên vào năm 1997, bà và ông Lân có nhận hai người con nuôi là chị Nguyễn Thị Thư và anh Lý Văn Hải (việc nhận con nuôi này có xác nhận của chính quyền). Tuy nhiên, nay hai người con nuôi này ở đâu, còn sống hay đã chết, bà không rõ. Bà đề nghị Tòa án không triệu tập hai người này, hay họ không có lời khai cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết các yêu cầu của Tòa án. Sau khi xuất cảnh sang Thụy Điển, bà thỉnh thoảng về về Việt Nam và có biết mối quan hệ của ông Lân với bà Đào nhưng không rõ tình trạng kết hôn. Bà khẳng định, đến thời điểm trước khi ông Lân chết và bà Đào nhưng bà không làm lễ ly hôn, bà cũng không kết hôn với ai, do vậy, bà vẫn là vợ hợp pháp của ông Lân.

Về nguồn gốc căn nhà:

Năm 1994, bà đã bỏ ra 75 triệu đồng để mua căn nhà số 16–18 đường 18 của vợ chồng bà Nguyễn Thị Mãng. Đây là khoản tiền bà tích lũy riêng và bố mẹ của bà cho gần 50 triệu đồng vì bà là con gái út. Bà cũng đề nghị phía phòng mật bằng: Giấy tờ mua bán nhà giữa bà và vợ chồng bà Mãng đã được UBND Phường xác nhận. Bà khẳng định, ông Lân lúc đó đứng tên làm ăn và nên không biết việc mua bán này. Để chuẩn bị cho việc xuất cảnh định cư năm 1997, bà đã đến UBND Phường để lập giấy ủy quyền quản lý nhà cho ông Lân. Ngày 20.8.2011, ông Lân chết. Để có người tiếp tục thay bà trông coi, quản lý nhà, ngày 24.12.2011, bà đã lập Hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng X, TP.H cho bà Đào quản lý căn nhà suốt đời với các điều kiện theo Điều 3 của Hợp đồng ủy quyền (Nội dung Điều 3 Hợp đồng: Trong thời gian quản lý nhà, bà Đào có trách nhiệm bảo quản căn nhà, mọi sự thay đổi cấu trúc nhà phải có ý kiến của người ủy quyền. Ngoài ra, bà Đào không được thế chấp, cầm cố, cho thuê, chuyển quyền sở hữu dưới bất cứ hình thức nào). Biết bà An không có con cái, đang sống ở nước ngoài nên nhiều lần bà Đào ngỏ ý muốn bà An cho tặng bà một phần căn nhà, coi như bà đáp công sức chăm sóc, thờ cúng ông Lân nhưng không được bà An chấp thuận. Từ đó, bà Đào đã khóa cửa không cho bà An vào nhà nữa. Bà đã ra thông báo dán ở nhà cho bà Đào bằng văn bản. Nay, bà đồng ý hỗ trợ bà Đào số tiền 200 triệu đồng để chuyển đi nơi khác.

Ngày 25.4.2018, bà Đào có lời khai với Tòa án như sau: Bà và ông Lân chung sống tại căn nhà số 16–18 đường 18 từ năm 1997. Sau đó, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND Xã N, huyện B, tỉnh NB ngày 08.3.2001. Hai ông bà không có con chung. Năm 1994, ông Lân và bà An có mua căn nhà trên. Mặc dù trên giấy tờ chỉ thể hiện đứng tên một mình bà An, nhưng số tiền mua nhà là của chồng ông Lân và bà An. Sự việc này được nhiều người trong gia đình biết và bà An đã thừa nhận. Trong những lần về nước trước đây, bà An có xác nhận là căn nhà trên là do bà và ông Lân bỏ tiền ra mua (có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền). Nhưng do thời gian quá lâu, hiện nay bà đã làm thất lạc văn bản này. Nếu tìm được, bà sẽ trình lên Tòa án sau. Vì căn nhà là tài sản chung

của bà An và ông Lân, nên với tư cách là vợ hợp pháp của ông Lân, bà yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là phần di sản thừa kế mà ông Lân để lại. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc bố trí tiền ra cải tạo phần sau căn nhà, nếu có yêu cầu giải quyết, bà sẽ yêu cầu trong một vụ án khác.

Câu 3:

Anh (chị) hãy xác định các vấn đề cần chứng minh trong vụ án?

Câu 4:

Yêu cầu của bà Đào có phải là yêu cầu phản tố không? Giải thích?

Câu 5:

Anh (chị) hãy giúp bà An soạn thảo văn bản gửi Tòa án nêu rõ ý kiến của bà An về yêu cầu này của bị đơn?

Tình tiết bổ sung:

Hồ sơ vụ án thể hiện: Nguồn gốc dẫn đến tranh chấp tại số 16–18 đường 18 do bà Phạm Thu An mua của vợ chồng bà Nguyễn Thị Mãng và ông Nguyễn Văn Công (có chứng nhận quyền sở hữu và đã trước bạ, sang tên) vào năm 1994. Năm 1997, bà An vượt biên ra nước ngoài. Trước khi đi, bà An đã làm thủ tục cho ông Lân quản lý, sử dụng tại UBND Phường HB, Quận TD. Năm 2011, ông Lân chết nên bà An lập Hợp đồng ủy quyền quản lý nhà suốt đời cho bà Mai Thị Đào tại Văn phòng Công chứng X. Đến nay, bà Đào đang sinh sống tại địa chỉ trên và có ký hợp đồng cho thuê nhà với ông Lê Văn Tâm – chủ hộ làm bánh mì, giá thuê là 1,75 triệu đồng/tháng.

Bà An và ông Lân chung sống với nhau từ An 1985, không có đăng ký kết hôn, ông bà có sinh một người con nhưng đã chết năm 1988. Năm 1997, ông bà có lập nhận hai người con là Nguyễn Thị Thu và anh Lý Văn Hải làm con nuôi, có xác nhận của chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về những người con nuôi này theo luật định nhưng không có kết quả. Bà An hiện sống tại Thụy Điển, bà có hai lần về Việt Nam và không ly hôn với ông Lân khi ông Lân còn sống.

Bà Đào và ông Lân có đăng ký kết hôn vào năm 2001, không có con chung. Bà Đào không cung cấp được bản xác nhận về việc bà An và ông Lân cùng bỏ tiền mua nhà như tại bản khai ngày 25.4.2018 cho Tòa án.

Hòa giải không thành, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm mở ngày 04.01.2019, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Câu 6:

Anh (chị) hãy trình bày những nội dung chính của bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà An?

(Học viên được sử dụng văn bản pháp luật và Giáo trình in của Học viện Tư pháp)

ĐỀ THI HỌC PHẦN MÔN KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ

Lớp A, B, C và E – Đào tạo Luật sư khóa 18.3 tại TP.HCM, thi lần 2 ngày 08.12.2018

Thời gian: 150 phút

Ngày 15/2/2018, ông Trần Minh Tú đến Văn phòng Luật sư gặp anh (chị) và trình bày:

Năm 1999, ông Tú và bà Phạm Thúy Lan có quan hệ tình cảm và có con chung là cháu Trần Minh Anh (sinh năm 2003). Từ tháng 2.2003, ông sang nước Đức làm ăn, đến tháng 12 năm 2008 ông trở về Việt Nam sinh sống. Trong thời gian ở Đức, ông đã gửi tiền về cho bà Lan để mua nền đất thổ cư diện tích 1.750 m² tại thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh TG với giá 500 triệu đồng. Tháng 3/2009, ông bỏ tiền ra khoảng 850 triệu đồng để xây dựng một căn nhà tại địa chỉ 57/16A đường 38, phường M, Quận TP, TP H (là mảnh đất của bà Lan đã mua trước khi quen biết ông) và bắt đầu đến sống với hai mẹ con bà Lan từ tháng 7/2009.

Đầu năm 2010, ông và bà Lan thuê mặt bằng, mở nhà hàng Việt Đức kinh doanh dịch vụ ăn uống trong thời gian 03 năm, lãi được 2.5 tỷ đồng. Năm 2014, ông mua thêm nền đất thổ cư có diện tích 670 m² (là chung khu đất với nền đất 1.750 m² tại thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh TG) với giá 4 tỷ đồng (gọi là mảnh đất tại thôn 2, xã N). Trong năm 2015, ông xây dựng nhà trên diện tích 1.020 m² để ở, phần còn lại mở nhà hàng Lan etc. Bà Lan có đưa tất cả tài sản vào việc xây dựng nhà hàng trị giá khoảng 2.000.000.000 đồng, phần còn lại 300 triệu đồng. Sau khi xây nhà xong, ông tiếp tục đầu tư trang thiết bị cho nhà hàng Lan, khoảng 300 triệu đồng.

Sau khi xây nhà và đầu tư trang thiết bị cho nhà hàng Lan, khoảng 1 năm thì kinh doanh bị lỗ. Như vậy, tổng giá trị tài sản tại thôn 2, xã N gồm:

1. tiền ông Tú chuyển từ Đức về 2,2 tỷ đồng;
2. tiền lãi kinh doanh nhà hàng Việt Đức của chung hai người 2,5 tỷ đồng;
3. tiền mua đất là 4,5 tỷ đồng;
4. bán căn nhà 57/16A đường 38 của bà là 1,2 tỷ đồng, lấy ngân hàng 01 tỷ đồng để xây dựng nhà hàng.

Từ tháng 9/2017 đến nay, bà Lan có tình cảm với người đàn ông khác nên không cho ông sống cùng, quản lý nhà hàng để kinh doanh cùng bà. Cháu Minh Anh hiện đang sống cùng với bà Lan, ông Tú thường bị bà Lan cấm cản không cho gặp cháu. Hiện nay, ông đang thuê nhà ở nơi khác. Ông Tú muốn khởi kiện bà Lan yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại thôn 2, xã N và nuôi cháu Minh Anh, không yêu cầu bà Lan cấp dưỡng.

Sau khi trao đổi, ông Tú đề nghị anh (chị) là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Câu 1: Anh (chị) hãy xác định các nội dung cần làm rõ khi trao đổi với ông Tú?
Tình tiết bổ sung

Ông Tú có lời khai với Tòa án xác nhận rằng ông và bà Lan có quan hệ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn.

Ngày 24/3/2018, bà Lan có lời khai với Tòa án như sau: Bà có quan hệ bạn bè thân thiết với ông Tú nhưng giữa bà và ông Tú không có con chung, không phải sống chung như vợ chồng. Ông Tú chỉ là người làm quản lý thuê, hưởng lương do bà trả. Vốn tạo dựng nên nhà đất tại thôn 2, xã N như hiện nay, toàn bộ là của bà, gồm: 500 triệu đồng là số tiền bà tự tích lũy từ trước khi bỏ mua đất (vào năm 2004); tiền từ việc kinh doanh nhà hàng Việt Đức là 2,5 tỷ đồng; tiền bà bán căn nhà 57/16A đường 38 của bà là 1,2 tỷ đồng, vay ngân hàng 01 tỷ đồng và vay nợ bên ngoài. Trên thực tế cũng như giấy tờ sở hữu nhà đất tại thôn 2, xã N là của riêng bà, không phải là tài sản chung với ông Trần Minh Tú. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu của ông Tú.

Bà Lan xuất trình “Giấy xác nhận” có nội dung: “Hôm nay, ngày 17.01.2016 tại UBND xã N, tôi Trần Minh Tú, sinh năm 1965, cư trú cường dân số... tôi xác nhận rằng bà Phạm Thúy Lan hiện đang ngụ tại... là chủ sở hữu nhà đất tại thôn 2, xã N. Tôi sản bà Lan đứng tên là nhà riêng của bà Lan không có liên quan gì đến tôi, bà Lan toàn quyền thế chấp vay vốn Ngân hàng khi cần thiết. Tôi không có điều chi khiếu nại về sau (ký tên: “Trần Minh Tú”). Giấy xác nhận này được UBND xã N xác nhận chữ ký.

*Hợp đồng thuê nhà hàng Việt Đức tại số 188 đường Huỳnh Mẫn Đạt, Quận B, TP.H ngày 01.01.2010 ông Tú đứng tên bên thuê, có thời hạn thuê 03 năm. Các chứng từ thu chi, hoạch toán về việc cho thuê nhà hàng, thể hiện khoản lãi là 2.5 tỷ đồng.

*Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thôn 2, xã N đứng tên bà Phạm Thúy Lan. *Nhà đất này hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh X, TP.H để bảo đảm cho khoản vay 01 tỷ đồng; thời hạn vay là 05 năm, kể từ ngày 20.01.2016. Đại diện Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh X là ông Lê Văn Nam có văn bản đề nghị Tòa án: Châm dứt hợp đồng vay với bà Lan, buộc bà Lan trả gốc và lãi (nếu có) đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 585.000.000 đồng. Bà Lan đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng.

*Biên bản định giá tài sản ngày 21.6.2018, có nội dung tổng giá trị nhà đất thôn 2, xã N do bà Phạm Thúy Lan đứng tên chủ sở hữu là 11.270.000.000 đồng.

Tại buổi đối chất ngày 14.5.2018, ông Tú trình bày: Việc ông ký “Giấy xác nhận” là để tạo thuận lợi cho bà Lan trong việc vay tiền ngân hàng. Trong giấy khai sinh của cháu Minh Anh, không có nội dung phần “họ tên cha đẻ” là ông, là do bà Lan đi làm khai sinh. Đến bây giờ ông mới được biết là ông không có tên trong giấy khai sinh của cháu Minh Anh, ông không đồng ý với lời khai của bà Lan. Ông có đầy đủ chứng cứ như email, hình ảnh, lời khai của hàng xóm... về việc ông đã chung sống cùng nhà với bà Lan từ năm 1999 cũng như nuôi cháu Minh Anh là con đẻ của ông. Vì cháu Minh Anh đang mang họ Trần của ông, nên ông sẽ cung cấp cho Tòa án các chứng cứ khác, nếu thấy cần thiết. Bà Lan vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20.6.2018, bà Lan thừa nhận ông Tú chuyển từ Mỹ chuyển cho bà nhiều lần bằng

tiền đô la Mỹ, quy đổi khoảng 2 tỷ đồng nhưng bà cho rằng đây là số tiền bà vay của ông Tú để kinh doanh, vay không có lãi; không phải là tiền ông Tú góp vào mua nhà đất tại thôn 2, xã N và xây nhà ở tại 57/16A đường 38 của bà. Nay, ông Tú yêu cầu trả tiền thì bà Lan sẽ tự nguyện trả số tiền vay gốc cho ông Tú.

Ngoài ra, ông Tú còn cung cấp cho Tòa án các chứng cứ về việc bà Lan ngoại tình với người đàn ông khác, các tin nhắn đe dọa ông nếu ông không chuyển khỏi nhà bà và còn tiếp tục quan tâm chăm sóc cháu Minh Anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tú yêu cầu chia 50% giá trị nhà đất tại thôn 2, xã N, ông yêu cầu được chia giá trị và được nuôi cháu Minh Anh, không yêu cầu bà Lan cấp dưỡng. Bà Lan vẫn giữ nguyên quan điểm nhà đất tại thôn 2, xã N là tài sản của bà, bà tự nguyện trả lại số tiền vay của ông Tú là 02 tỷ đồng. Bà không đồng ý giao cháu Minh Anh cho ông Tú nuôi dưỡng, vì cháu Minh Anh là con riêng của bà.

Câu 2: Anh (chị) trình bày các vấn đề cần phải chứng minh của vụ án nêu trên?

Câu 3: Anh (chị) hãy trình bày kết quả nghiên cứu hồ sơ về tố tụng và nội dung vụ án?

Câu 4: Anh (chị) hãy trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho ông Tú?

(Lưu ý: Học viên được sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật, Giáo trình in của HTP TP.HCM)